BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 25 (từ 22/06 - 26/06/2015)

BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
Tài liệu tham khảo
(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực
CỤC CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ NGHỀ MUỐI

Địa chỉ:
Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 84.4.37711210
Fax: 84.4.37711125
Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn
Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung
TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ

Địa chỉ:
Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội
Điện thoại: 84.4.37341635
Fax: 84.4.38230381
Email: trangtin@mard.gov.vn
Website: www.mard.gov.vn

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, đồng USD chững lại trong khi đàm phán Hy Lạp vẫn còn bất đồng về những vấn đề chủ chốt trong việc giải quyết nợ đã tác động đến thị trường hàng hóa thế giới.

Thị trường thế giới: Giá cà phê thế giới tăng do nguồn cung sẵn có không nhiều, một phần bởi các nhà sản xuất tại Việt Nam vẫn có xu hướng tích trữ cà phê. Bên cạnh đó, thông tin bệnh gỉ sắt đang lan rộng ra khắp vùng Varghina ở bang miền Nam Minas Gerais - khu vực sản xuất cà phê chính của Brazil cũng tác động mạnh tới thị trường.

Giá đường thế giới tăng do nhu cầu mua tại Trung Đông và châu Phi tăng mạnh và thông tin khu vực trung nam của Brazil đã sản xuất 1,97 triệu tấn đường trong nửa đầu tháng 6, ít hơn so với dự tính ban đầu. Giá Ure thế giới có xu hướng tăng cao trong tuần qua do nguồn cung Ure từ Trung Quốc bị thắt chặt trong khi nhu cầu của Ấn Độ lại tăng mạnh.

Giá gạo xuất khẩu tại Việt Nam giảm nhẹ trong tuần do sức mua yếu trước thời điểm vụ Hè Thu thu hoạch rộ, trong khi gạo Thái Lan không biến động thương nhân chờ đợi thông tin cụ thể hơn về mùa vụ và một cuộc đấu thầu bán gạo của Chính phủ vào tháng tới.

Giá chè Bangladesh giảm tuần thứ tư liên tiếp do nhu cầu yếu từ các khách hàng nội địa trong tháng ăn chay Ramada của người Hồi giáo.

Thị trường trong nước: Tuần qua**,** lúa Hè Thu sớm đồng loạt giảm giá tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) do sức mua yếu, hoạt động giao dịch trầm lắng.

Thị trường thế giới: Giá gạo xuất khẩu tại Việt Nam giảm nhẹ trong tuần qua do sức mua yếu trước thời điểm vụ Hè Thu thu hoạch rộ, trong khi gạo Thái Lan không biến động thương nhân chờ đợi thông tin cụ thể hơn về mùa vụ và một cuộc đấu thầu bán gạo của Chính phủ vào tháng tới. Thị trường gạo hiện nay đang theo dõi nhu cầu nhập khẩu của Phi-lip-pin, với dự đoán nhà nhập khẩu gạo hàng đầu thế giới này sẽ mua nhiều gạo hơn nếu El Nino tăng cường.

Theo Bộ Thương mại Thái Lan, nhà xuất khẩu gạo thứ hai thế giới sau Ấn Độ, sẽ mở thầu bán 1 triệu tấn gạo vào đầu tháng 7. Đây là cuộc đấu thầu lần thứ 4 trong năm nay với nỗ lực không ngừng trong việc giảm bớt gạo tồn trữ.

Chính phủ quân đội Thái Lan đang cố gắng bán khoảng 16 triệu tấn gạo trong kho dự trữ. Tính đến nay, lượng gạo đã bán ra đạt 2,73 triệu tấn thông qua 7 cuộc đấu thầu kể từ tháng 5/2014 với giá trị thu được hơn 888 triệu USD.

Gạo 5% tấm của Thái Lan tuần qua đứng ở mức 365 – 370 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước. Thương nhân Thái Lan đang chờ đợi cơ quan thống kê công bố số liệu sản lượng gạo quý 2/2015, với dự đoán sản lượng gạo giảm do nông dân được yêu cầu tạm hoãn gieo cấy do hạn hán nghiêm trọng. Văn phòng Bộ Nông nghiệp Thái Lan sẽ điều chỉnh dự báo sản lượng gạo 2015 vào đầu tháng 7. Chính phủ Thái Lan vẫn yêu cầu nông dân tiếp tục tạm hoãn gieo cấy vụ lúa chính cho đến tháng 8.

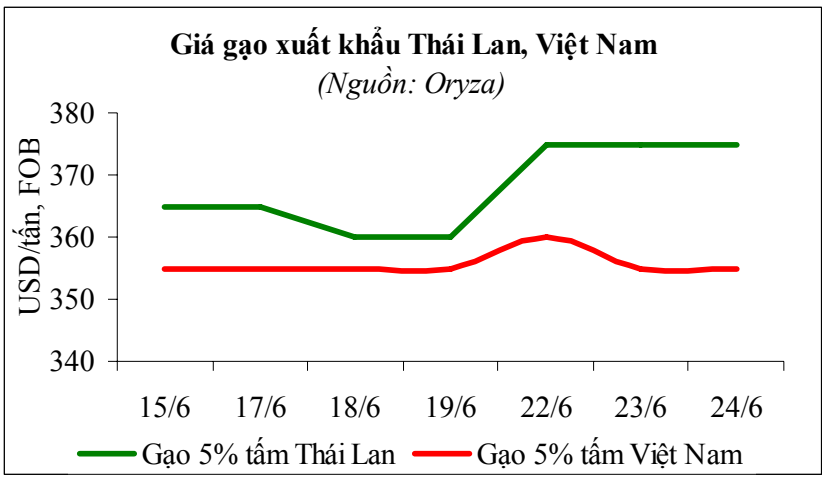

Thị trường trong nước: Tuần qua**,** lúa Hè Thu sớm đồng loạt giảm giá tại các tỉnh ĐBSCL trong không khí giao dịch trầm lắng, sức mua yếu. Việc Phi-lip-pin quyết định nhập khẩu thêm 100.000 tấn gạo chủng loại 25% tấm của Việt Nam vào đầu tuần này chưa đủ làm thay đổi bầu không khí ảm đạm đã kéo dài nhiều tuần nay trên thị trường gạo nội địa. Sau khi kế hoạch mở thầu nhập khẩu 250.000 tấn gạo hôm 5/6 không đạt so với yêu cầu, Cơ quan lượng thực quốc gia Philippines (NFA) đã mở thầu lại mua bổ sung 100.000 tấn vào ngày 16/6 và Việt Nam một lần nữa vượt qua Thái Lan và Cam-pu-chia giành được hợp đồng này. Với việc nhập khẩu thêm 100.000 tấn gạo lần này, từ đầu năm đến nay Philippines đã nhập khẩu tổng cộng 750.000 tấn gạo theo thỏa thuận liên Chính phủ (G2G), trong đó nhập từ Việt Nam 550.000 tấn và từ Thái Lan 200.000 tấn. Với mức giá trúng thầu là 410,12 USD/tấn giao tại kho NFA không phải là giá có lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu, nhưng Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) vẫn quyết định bán để tạo đầu ra nhằm giữ giá nội địa không giảm sâu thêm.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá lúa Hè Thu sớm tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua diễn biến như sau: tại An Giang, lúa IR50404 giảm 150 đ/kg, từ 4.150 đ/kg xuống còn 4.000 đ/kg; trong khi lúa OM 2514, OM 2717, OM 1419 vẫn giữ ở mức 4.400 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 giảm 200 đ/kg, từ 4.400 đ/kg xuống còn 4.200 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa tẻ thường giảm từ 5.300 đ/kg xuống còn 5.200 đ/kg; lúa dài vẫn ở mức 5.600 đ/kg.

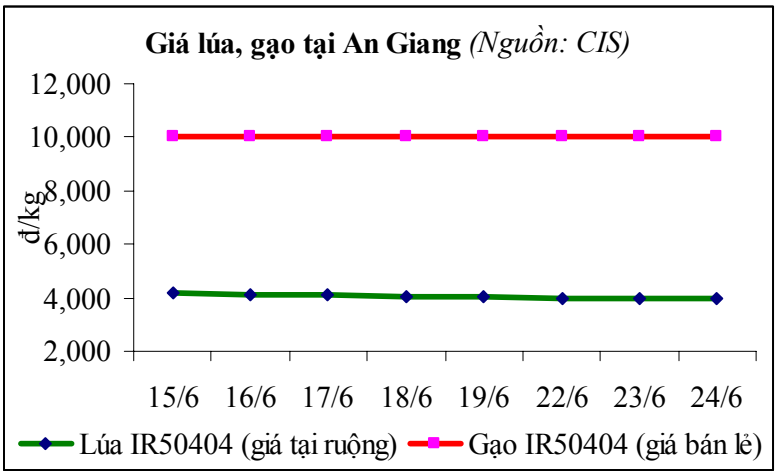

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (CIS), khối lượng gạo xuất khẩu tháng 6/ 2015 ước đạt 641 nghìn tấn với giá trị đạt 267 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 6 tháng đầu năm 2015 ước đạt 3,055 triệu tấn và giá trị đạt 1,318 tỷ USD, giảm 6,2% về khối lượng và giảm 10,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá gạo xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2015 đạt 435,18 USD/tấn, giảm 3,78% so với cùng kỳ năm 2014. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu gạo Việt Nam lớn nhất trong 5 tháng đầu năm 2015 với 36% thị phần. Trong thời gian này, xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2014 (giảm 19,61% về khối lượng và giảm 22,61% về giá trị). Đáng chú ý nhất là thị trường Ma-lai-xia có sự tăng trưởng đột biến trong 5 tháng đầu năm 2015, tăng gấp 2,84 lần về lượng và gấp 2,33 lần về giá trị, vươn lên vị trí thứ 3 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam, chiếm 7,7% thị phần.

N.L.A

Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 7 thị trường London tăng 41 USD/tấn lên 1.907 USD/tấn. Giá cà phê thế giới tăng do nguồn cung sẵn có không nhiều, một phần bởi các nhà sản xuất tại Việt Nam vẫn có xu hướng tích trữ cà phê. Nguồn cung Robusta từ Việt Nam vẫn đang bị gián đoạn do nông dân găm hàng chờ giá lên. Giá tham chiếu trên sàn London chưa cao như kỳ vọng vẫn là mối lo ngại chính của thị trường nội địa Việt Nam với việc nông dân và thương nhân nội địa vẫn giữ một lượng lớn cà phê lưu kho trong khi thời gian vụ thu hoạch mới đang đến gần, bắt đầu vào tháng 10. Bên cạnh đó, thông tin bệnh gỉ sắt đang lan rộng ra khắp vùng Varghina ở bang miền Nam Minas Gerais - khu vực sản xuất cà phê chủ chốt của Brazil cũng tác động mạnh tới thị trường.

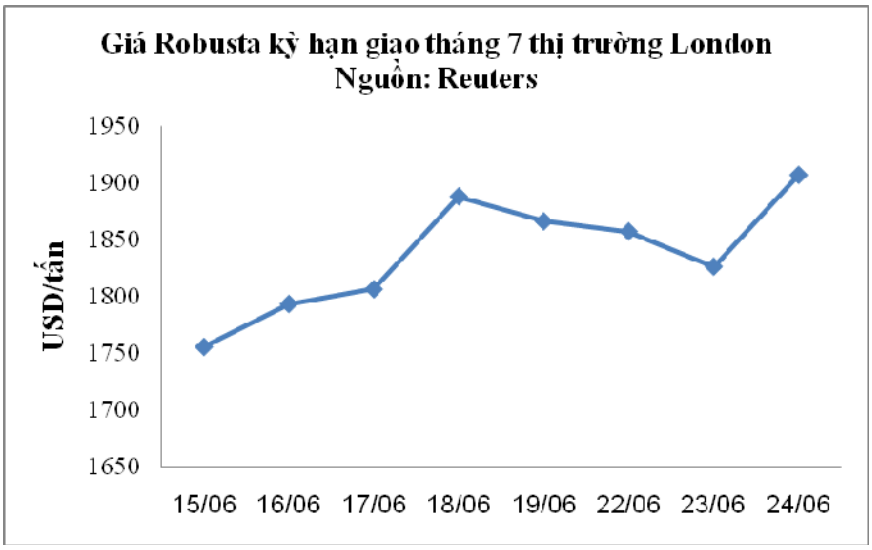

Trong báo cáo vừa công bố ngày 19/6, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo tồn trữ cà phê thế giới cuối niên vụ 2015/16 sẽ giảm xuống mức thấp nhất 4 năm do tiêu thụ cao kỷ lục, mặc dù sản lượng cũng tăng ở các nước sản xuất hàng đầu thế giới.

USDA nhận định, tồn trữ cà phê cuối niên vụ tới sẽ giảm xuống 31,5 triệu bao loại 60 kg, mức thấp chưa từng có kể từ vụ 2011/12, bởi sự sụt giảm mạnh ở Brazil, nước sản xuất hàng đầu thế giới, xuống chỉ 4,3 triệu bao. USDA cũng hạ dự báo về tồn trữ của Brazil cuối vụ 2014/15 xuống 5,8 triệu bao, từ mức 6,9 triệu bao dự báo hồi tháng 12 năm ngoái, với lý do xuất khẩu tăng.

Sản lượng cà phê thế giới được dự báo sẽ tăng lên 152,7 triệu bao trong niên vụ tới, từ mức 146,3 triệu bao niên vụ 2014/15, do sản lượng của Brazil tăng lên 52,4 triệu bao từ mức 51,2 triệu bao, và của Việt Nam – nước sản xuất lớn thứ 2 thế giới – tăng lên 28,6 triệu bao từ mức 28,2 triệu bao. Sản lượng arabica – được sử dụng phổ biến để rang xay - của Brazil sẽ tăng 3,8% lên 38 triệu bao nhờ thời tiết thuận lợi sau niên vụ trước đó bị hạn hán. Sản lượng robusta – thường được sử dụng trong sản xuất cà phê hòa tan – sẽ giảm 2,6 triệu bao xuống 14,4 triệu bao do "mưa dưới mức trung bình và nhiệt độ trên mức trung bình" ở Espirito Santo, nơi trồng nhiều robusta nhất của Brazil.

Tại nước sản xuất lớn thứ 3, Colombia, dự báo sản lượng sẽ tăng lên 13 triệu bao, mức cao nhất trong vòng 2 thập kỷ, bởi nỗ lực chống lại bệnh gỉ lá đã mang lại hiệu quả như mong đợi. Bệnh gỉ lá đã làm sản lượng của Colombia giảm 40% kể từ đầu niên vụ 2008/09.

Tại nước sản xuất lớn thứ 4, Indonesia, và nước sản xuất lớn thứ 6, Honduras, sản lượng sẽ cao kỷ lục, lần lượt 11 triệu bao và 5,9 triệu bao. Tại Indonesia, thời tiết thuận lợi trong giai đoạn cây ra hoa và kết trái sẽ giúp sản lượng tăng 2,2 triệu bao so với năm ngoái, trong khi ở Honduras bệnh gỉ lá được chữa trị sẽ giúp sản lượng tăng 700.000 bao.

Tiêu thụ cà phê thế giới cũng sẽ tăng mạnh, lên 147,7 triệu bao trong niên vụ 2015/16, và thị trường sẽ dư thừa 5 triệu bao, cao hơn mức dư thừa 290.000 bao vụ 2014/15.

Ủy ban Cà phê Quốc gia Ấn Độ dự báo điều kiện thời tiết đến nay tại các vùng trồng cà phê chủ chốt khá thuận lợi và sản lượng cà phê của nước này trong niên vụ 2015-2016 (tháng 10/2015 - tháng 9/2016) tăng 9% lên 5.926.667 bao, trong đó tỷ trọng Robusta/Arabica là 69/31. Sản lượng cà phê Arabica niên vụ mới dự đoán tăng 12,5% trong khi cà phê Robusta tăng 7,12%.

Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 200 – 500 đ/kg lên 38.200 – 39.000 đ/kg; Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giá FOB tăng 34 USD/tấn lên 1.864 USD/tấn. Thị trường cà phê trong nước đã có phần sôi động hơn do giá được cải thiện nhưng giao dịch vẫn chưa đủ mạnh do nhiều nông dân vẫn có xu hướng chờ đợi giá tăng thêm.

Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo sản lượng cà phê Việt Nam – nước sản xuất lớn thứ 2 thế giới - niên vụ 2015/16 sẽ tăng 400.000 bao lên 28,6 triệu bao bởi năng suất cà phê tăng nhờ thời tiết thuận lợi. Từ tháng 1 đến tháng 3/2015, khu vực Tây Nguyên bị hạn hán và nắng nóng. Nhưng mưa đã đến từ tháng 4 tạo điều kiện thuận lợi cho việc nở hoa và sự phát triển của quả cà phê. Dự báo, thị trường nội địa sẽ tăng bán ra vào tháng 8 tới.

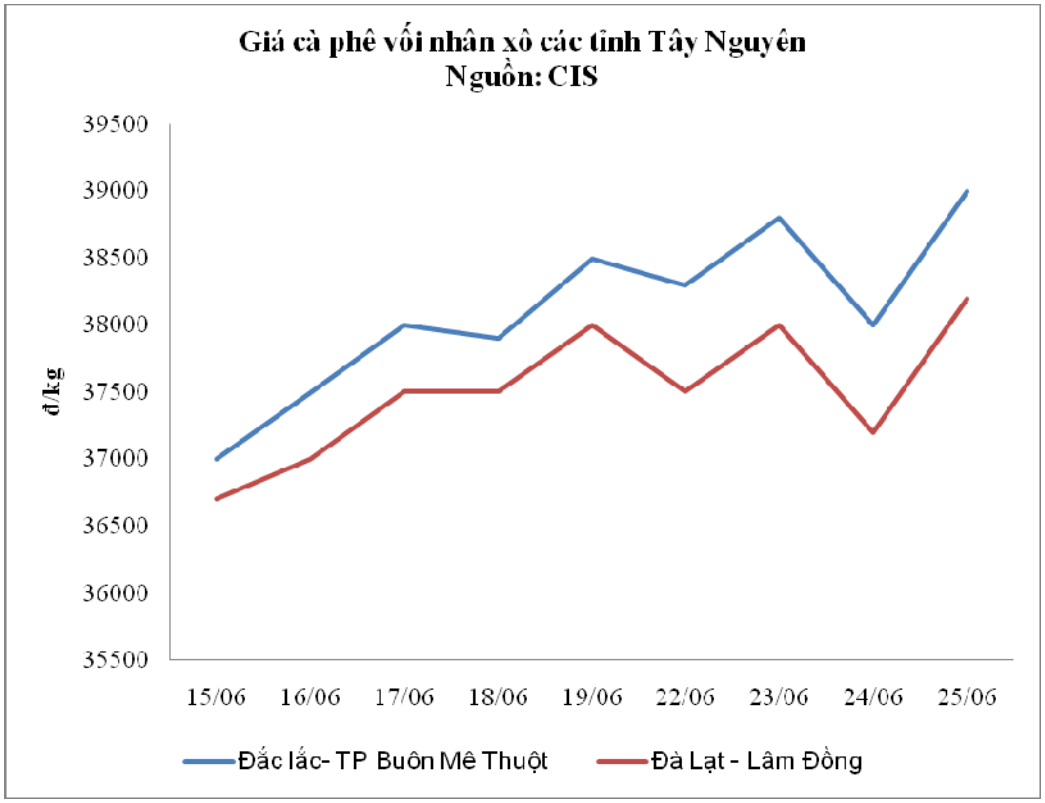

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 6 năm 2015 xuất khẩu cà phê ước đạt 106 nghìn tấn với giá trị đạt 218 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 6 tháng đầu năm 2015 ước đạt 687 nghìn tấn và 1,419 tỷ USD, giảm 35,8% về khối lượng và giảm 35,1% về giá trị so cùng kỳ năm 2014. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2015 đạt 2.069 USD/tấn, tăng 2,12% so với năm 2014. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2015 với thị phần lần lượt là 16,03% và 11,88%.

HNN

Thị trường thế giới: Giá chè Bangladesh giảm tuần thứ tư liên tiếp tại phiên đấu giá ngày thứ Ba (23/6) do nhu cầu yếu từ các khách hàng nội địa trong tháng ăn chay Ramada của người Hồi giáo.

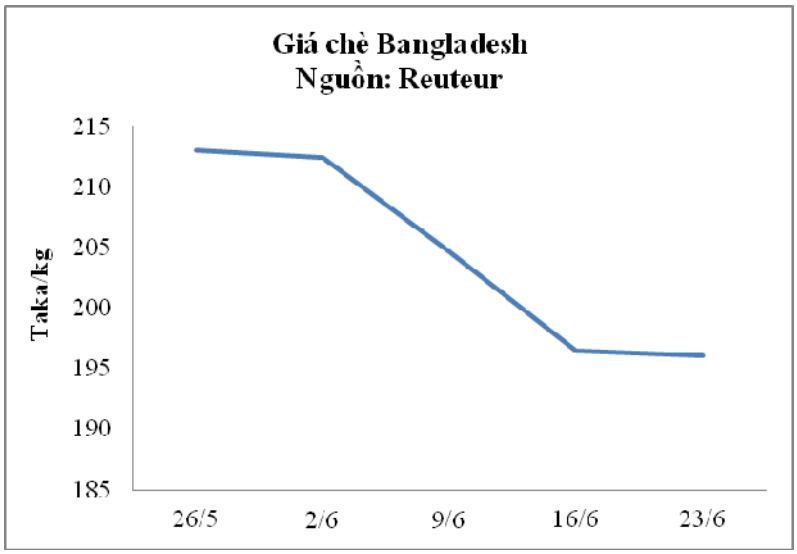

Giá chè Bangladesh ở mức trung bình 196,04 taka (tương đương 2,5 USD)/kg tại phiên đấu giá hôm thứ ba (23/6) – niên vụ mới thứ 8, so với 196,52 taka phiên đấu giá trước đó, giám đốc điều hành National Brokers Ltd. cho biết.

Tiêu thụ chè thường giảm trong lễ hội Ramada, từ đầu tháng này.

Có khoảng 1,23 triệu kg được chào bán tại trung tâm đấu giá duy nhất Chittagong, trong đó gần 7% chưa được bán. Tại phiên đấu giá trước, có khoảng 11% trong số 1,23 triệu kg chưa được bán.

Ngân sách quốc gia năm tài chính 2015/16 công bố vào đầu tháng này đã nâng thuế nhập khẩu chè thêm 5%, nhằm ngăn chặn hoạt động mua vào từ nước ngoài.

Thị trường trong nước: Tuần này giá chè nguyên liệu tại Thái Nguyên và Lâm Đồng tiếp tục ổn định so với tuần trước. Cụ thể, tại Thái Nguyên, giá chè xanh búp khô giữ ở mức 130.000đ/kg, giá chè cành chất lượng cao vẫn giữ ở mức giá cao là 200.000đ/kg. Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng giá chè nguyên liệu sản xuất chè xanh loại 1giữ nguyên ở mức 9.000 đ/kg, chè nguyên liệu sản xuất chè đen loại 1 giữ ở mức 4.000 đ/kg.

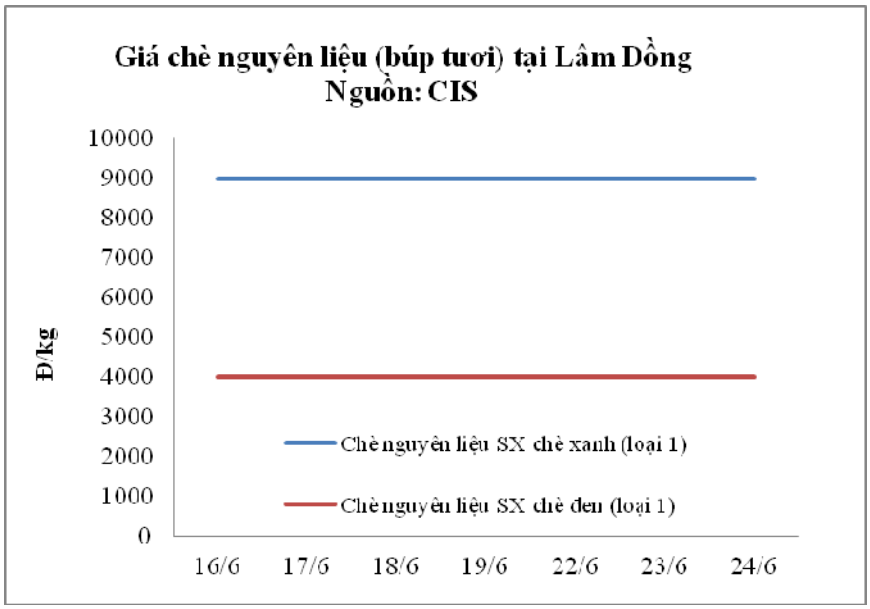

N.V.A

Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 8 tăng 15,7 USD/tấn lên 364,3 USD/tấn. Giá đường thế giới tăng do nhu cầu mua tại Trung Đông và châu Phi tăng mạnh. Bên cạnh đó, thông tin khu vực trung nam của Brazil đã sản xuất 1,97 triệu tấn đường trong nửa đầu tháng 6, ít hơn so với dự tính cũng tác động đến thị trường đường.

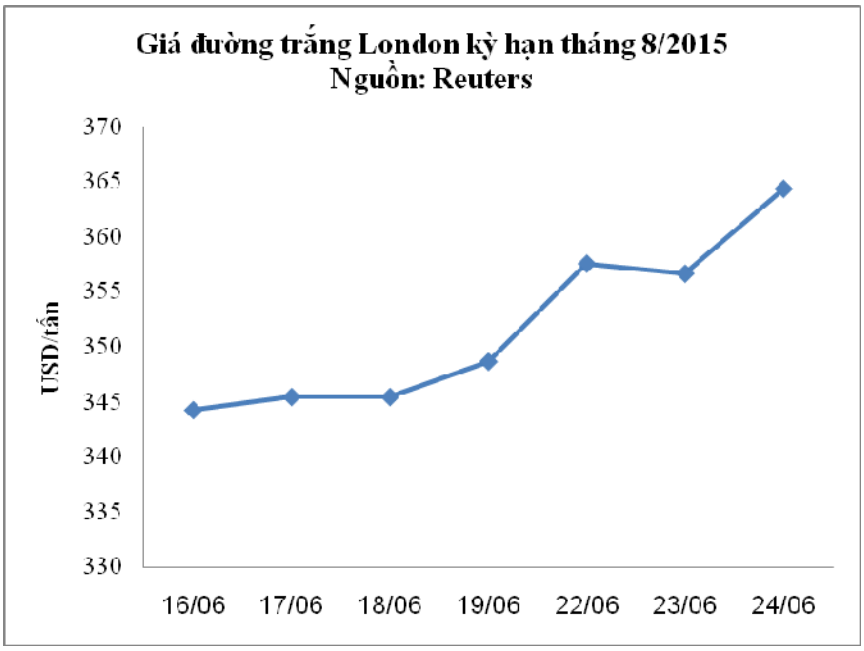

Trung Quốc -một trong những nước nhập khẩu đường hàng đầu thế giới- đã nhập khẩu 520.000 tấn đường trong tháng 5/2015, gấp ba lần so với mức tương ứng của cùng kỳ năm 2014, do các nhà máy tinh chế đường tại nước này đang đẩy mạnh mua vào nhằm hưởng lợi từ việc giá đường thế giới sụt giảm. Sau khi chứng kiến hoạt động nhập khẩu đường tăng mạnh trong tháng 4 và giá đường thế giới hạ xuống mức thấp nhất trong vòng 6 năm rưỡi vào đầu tháng 6, nhiều người đã dự đoán khả năng Trung Quốc sẽ tiếp tục đẩy mạnh mua vào đường.

Mặc dù giá đường trong nước của Trung Quốc đã hạ "nhiệt" trong thời gian gần đây do những lo ngại về triển vọng tiêu thụ đường, song giá mặt hàng này vẫn còn ở mức cao vì những dự báo sản lượng đường sẽ giảm trong năm nay và chính sách hạn chế nhập khẩu đường của Chính phủ nước này nhằm bảo hộ các nhà sản xuất nội địa. Hiện tại chênh lệch giữa giá đường tại Trung Quốc và thế giới lên tới 250 USD/tấn, mức cao kỷ lục. Do đó, dự đoán hoạt động nhập khẩu đường tại Trung Quốc sẽ tiếp tục gia tăng trong vài tháng tới, nhất là khi thị trường đang bước vào mùa Hè, mùa cao điểm tiêu thụ đường. Tuy nhiên, các quy định của Chính phủ Trung Quốc cũng sẽ phần nào hạn chế lượng nhập khẩu đường.

Theo cam kết với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Trung Quốc cho phép nhập khẩu 1,94 triệu tấn đường mỗi năm, với mức thuế 15%. Ngoài hạn ngạch này, các doanh nghiệp phải chịu mức thuế lên tới 50%, đồng thời phải đăng ký thông qua hệ thống cấp phép do Chính phủ điều hành. Đáng chú ý là Bắc Kinh hiện vẫn từ chối cấp phép cho các đơn đề nghị nhập khẩu kiểu này nhằm bảo hộ các nhà sản xuất đường trong nước. Hiệp hội Mía đường Trung Quốc cũng kêu gọi các doanh nghiệp nhập khẩu đường của nước này duy trì tổng mức nhập khẩu trong cả năm nay không vượt quá 3,5 triệu tấn. Điều này đồng nghĩa với việc lượng nhập khẩu đường của Trung Quốc trong những tháng tới có thể sẽ giảm.

Trong 5 tháng đầu năm nay, nhập khẩu đường của Trung Quốc đã đạt trên 2 triệu tấn, tăng 58% so với cùng kỳ năm 2014. Tuy nhiên, hạn mức 3,5 triệu tấn mà Hiệp hội Mía đường Trung Quốc đưa ra cũng có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào nhu cầu tiêu thụ của nước này. Trung Quốc dự kiến sản xuất khoảng 10,5 triệu tấn đường trong niên vụ 2014-2015, giảm từ mức 13,3 triệu tấn của niên vụ trước đó. Dự kiến, sản lượng đường của nước này sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới khi mùa tiêu thụ cao điểm đang tới gần.

Thị trường trong nước: Giá bán đường giữ mức ổn định như tuần trước. Giá bán đường trắng loại 1 đã có thuế VAT tại cửa kho nhà máy từ 14.000 – 14.500 đ/kg.

Theo Cục Chế biến, thương mại nông lâm thủy sản và Nghề muối tính đến ngày 15/6/2015, tất cả các nhà máy đường đã dừng sản xuất, kết thúc vụ ép 2014-2015. Các nhà máy đã ép được 14.410.600 tấn mía, sản xuất được 1.416.980 tấn đường. So với vụ trước, lượng mía ép giảm 1.637.600 tấn, lượng đường sản xuất giảm 173.490 tấn.

Lượng đường tồn tại kho các nhà máy đến ngày 15/6/2015 là 389.440 tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước 159.500 tấn. Lượng đường các nhà máy bán ra từ 15/5/2015 đến 15/6/2015 là 133.770 tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước 16.100 tấn.

Giá đường tại Việt Nam đang ở mức cao trên thế giới. Nhưng người trồng mía gặp nhiều khó khăn, diện tích trồng mía có xu hướng giảm dần. Theo cam kết hội nhập, thuế nhập khẩu đường vào Việt Nam bằng 0% vào năm 2018, ngành mía đường Việt Nam đứng trước áp lực cạnh tranh rất lớn ngay trên sân nhà.

Theo Phòng NN&PTNT huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, vụ mía 2014-2015, các địa phương trong huyện xuống giống 8.345 ha (giảm 1.200 ha so với niên vụ trước). Nguyên nhân là liên tiếp mấy năm qua, người trồng mía thua lỗ, nhiều hộ chuyển sang cây trồng cây ăn trái, lúa… theo đề án chuyển đổi của ngành nông nghiệp. Trong khi đó, tại huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, thống kê sơ bộ cho thấy có khoảng 40%số hộ nông dân trồng mía bị lỗ, 15-20% hòa vốn và phần còn lại có lãi nhưng cũng chỉ khoảng 10-15 triệu đồng/ha… Theo thống kê của huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, tính đến cuối năm 2014, diện tích mía của địa phương này chỉ còn gần 7.400ha, giảm trên 810ha so với cùng kỳ năm trước; trong đó có 347ha nông dân chuyển sang nuôi tôm. Trong khi đó, ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, diện tích mía hiện chỉ còn khoảng 500ha, giảm khoảng 50% so với năm 2012… Tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau chỉ còn khoảng 1.500ha mía nguyên liệu, giảm gần 200ha so với vụ mùa trước.

HNN

HẠT ĐIỀU

Thị trường thế giới: Tại Ấn Độ, giá hạt điều nhân vỡ dọc và điều mảnh ổn định nhưng nhu cầu đối với điều nhân nguyên W320 và W240 lại đang gia tăng. Tại thị trường Goa – Mangalore, điều nhân W320 hiện đang có mức giá là 6700 Rs/hộp/11,340 kg đối với loại thượng hạng.

Nguồn cung điều thô không thiếu nhưng chi phí nhập khẩu và nhu cầu tiêu thụ trong tháng Ramadan tăng là những yếu tố chính ảnh hưởng tới thị trường.

Thị trường trong nước: Tại Bình Phước, trong tuần, giá thu mua hạt điều khô nhìn chung ổn định ở mức 37.000 đ/kg.

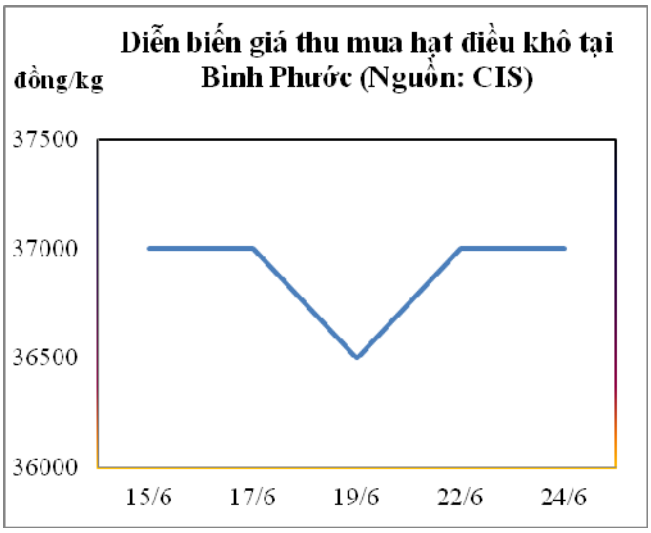

Khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 6 năm 2015 ước đạt 33 nghìn tấn với giá trị 251 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2015 đạt 150 nghìn tấn với 1,08 tỷ USD, tăng 14% về khối lượng và tăng 28,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2015 đạt 7.080 USD/tấn, tăng 11,64% so với cùng kỳ năm 2014. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm lần lượt 39,98%, 13,12% và 10,89% tổng giá trị xuất khẩu.

Về giá xuất khẩu, tuần trước, giá hạt điều nhân WW320 sang thị trường Hà Lan tăng 0,236 USD/kg, đạt 7,664 USD/kg. Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến WW320 xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ tiếp tục duy trì mức giá ổn định của tuần trước là 7361,46 USD/ tấn.

HẠT ĐIỀU

Tham khảo giá xuất khẩu hạt điều sang một số thị trường chính tuần từ 15-21/06/2015

Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Thị trường
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW320	Tấn	16,33	7759,95	Úc
Hạt điều W320 chiên muối 11.34kg	kg	4467,96	8,27	Canada
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến WS	kg	15240,96	6,94	Đan Mạch
Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế W320	kg	15876	7,39	Cộng hòa Dominic
Hạt điều nhân LBW320 (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang)	kg	15876	7,05	Đức
Hạt điều rang muối 1ctn=12 hò x 420gr	kg	942,48	7,50	HongKong
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến WW320	Tấn	15,88	7361,46	Ấn Độ
Hạt điều LP	kg	15876	6,39	Israel
Nhân hạt điều BB1	kg	17010	3,88	Ý
Hạt điều nhân LWP	kg	7938	6,55	Nhật Bản
Hạt điều W320 sấy	kg	8391,6	8,64	Hàn Quốc (Cộng hòa)
Nhân hạt điều W320	Tấn	7,9	7664,56	Hà Lan
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến LBW320	kg	7938	7,28	Niu di lân
Hạt điều nhân WW450	kg	15876	7,50	Nga
Hạt điều nhân WW320	kg	15876	7,28	Singapore
Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế W450	kg	7938	7,41	Nam Phi
Hạt điều nhân WW320	pound	35000	3,57	Tây Ban Nha
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến WW240	kg	3375	8,50	Đài Loan
Nhân hạt điều đã qua chế biến WW240	kg	6804	8,31	Thái Lan
Hạt điều nhân Việt Nam DW2	kg	14000	4,41	Các TVQ Ả Rập thống nhất
Nhân hạt điều WW240	Tấn	6,8	7941,18	Anh
Nhân hạt điều W240	Tấn	16,56	8419,69	Hoa Kỳ

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại)

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 6/2015 ước đạt 130 nghìn tấn với giá trị đạt 154 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 6 tháng đầu năm 2015 đạt 414 nghìn tấn, giá trị nhập khẩu đạt 527 triệu USD, tăng 73,2% về khối lượng và tăng gấp 2,08 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

T.T.P

HẠT TIÊU

Thị trường thế giới: Tuần này giá hạt tiêu trên thị trường Ấn Độ tiếp tục xu hướng đi lên của tuần trước. Giá hạt tiêu giao ngay tăng trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt đối với tiêu dung trọng cao kết hợp với nhu cầu tốt. Trên thị trường chỉ có 30 tấn tiêu được giao dịch ngày 24/6. Nguyên liệu được cho là tiêu trộn Kodagu sơ chế. Các nhà xuất khẩu tiếp tục thu mua toàn bộ nguồn nguyên liệu sẵn có. Trong khi đó, nhu cầu trong nước vẫn yếu và điều này đã hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu thu mua nguyên liệu sẵn có. Tiêu Pulpally, Bathery (Wayanad) được giao dịch ở mức 640 Rupi/kg, trong khi đó tiêu vùng cao được bán ở mức 645 Rs/kg. Người mua đang có nhu cầu mua tiêu sơ chế ở mức 640 Rs/kg. Giá giao ngay tăng lên 700 Rs so với tuần trước lên 62.900 Rupi/tạ (tiêu xô) và 65.900 Rupi/tạ (tiêu chọn). Giá các hợp đồng trên sàn IPSTA vẫn không thay đổi, hiện ở mức 66.506 Rupi/tạ. Giá tiêu xuất khẩu Ấn Độ tăng lên 10.700 USD/tấn C & F đối với tiêu xuất sang châu Âu và 10.950 USD/tấn đối với tiêu xuất sang Mỹ.

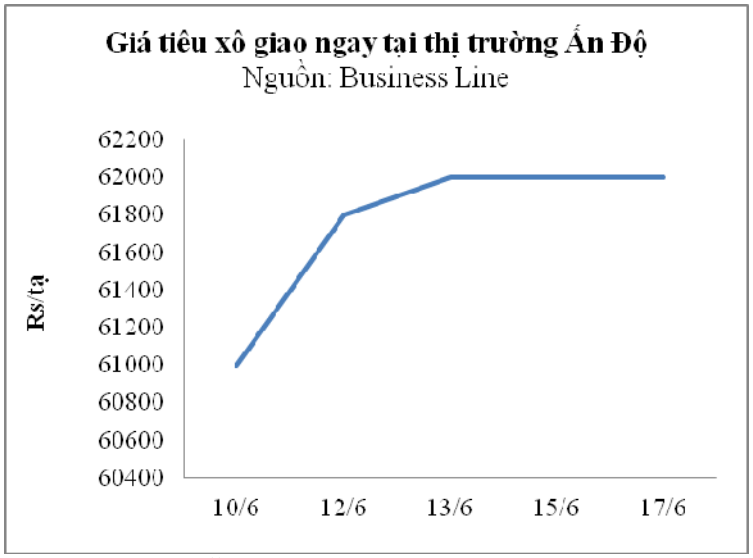

Thị trường trong nước: Giá thu mua tiêu đen xô nội địa trong tuần này ổn định so với tuần trước. Ngày 24/6, giá thu mua tiêu tại các tỉnh trồng tiêu trọng điểm Gia Lai/Bà Rịa-Vũng Tàu/Đắk Lắk/Bình Phước lần lượt ở mức 197/203/198/200 nghìn đồng/kg.

Trong những ngày này, người trồng tiêu tại huyện Xuân Lộc, Đồng Nai rất lo lắng và bức xúc trước tình trạng trộm cắt phá vườn tiêu, gây thiệt hại nặng nề cho người nông dân. Hiện nay, một hom tiêu giống Vĩnh Linh loại tốt có giá 20 ngàn đồng/hom; tiêu Phú Quốc khoảng 30 ngàn đồng/hom. Rất nhiều thương lái khắp nơi tìm đến huyện Xuân Lộc để đặt mua tiêu giống nhưng vẫn không đủ nhu cầu.

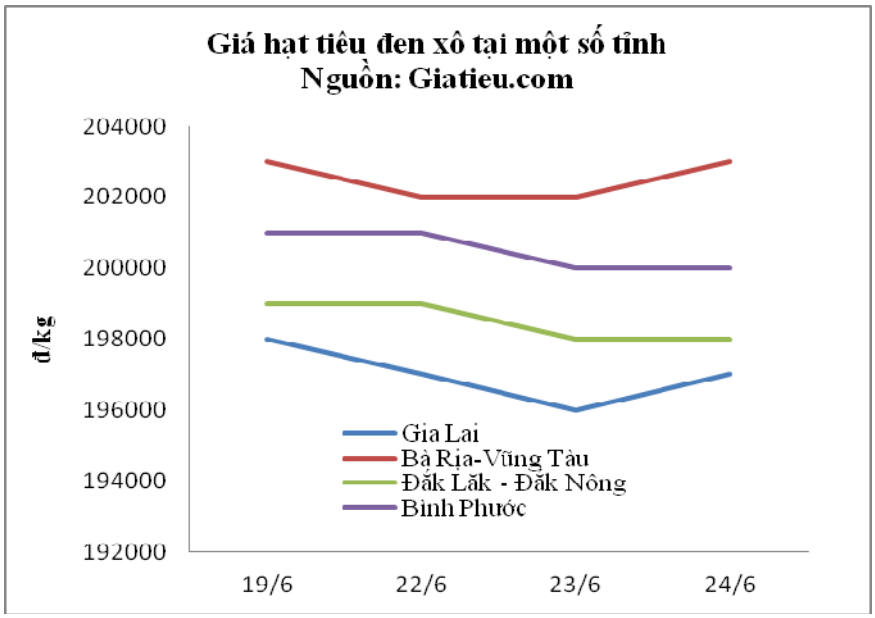

N.V.A

Thị trường thế giới: Giá cao su giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Tokyo, Nhật Bản (Tocom) tiếp tục lao dốc trong các phiên giao dịch cuối tuần qua, sau đó bất ngờ hồi phục mạnh trong 2 phiên đầu tuần này. Trước đó, các nhà đầu tư ồ ạt tiến hành bán tháo các hợp đồng cao su để chốt lãi khi giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải giảm trong tuần thứ 3 liên tiếp đã khiến giá hợp đồng cao su kỳ hạn tại Tocom giảm xuống mức thấp trong 4 tuần. Hợp đồng benchmark giao tháng 11/2015 cuối phiên 19/6 chỉ còn 229,2 Yên/kg, trong ngày giá hợp đồng này có lúc giảm xuống mức thấp 227 yên/kg, mức thấp nhất kể từ 26/5, và đang hướng tới mức giảm hơn 2% hàng tuần. Tuy nhiên, kết thúc phiên 24/6, hợp đồng benchmark đã hồi phục mạnh lên mức 232,2 Yên/kg do đồng Yên suy yếu, mặc dù bối cảnh giao dịch trầm lắng do nhiều nhà đầu tư đứng ngoài thị trường.

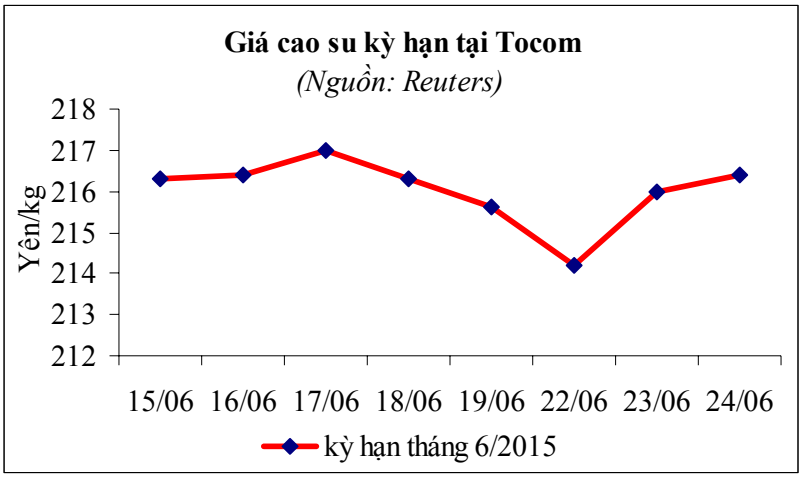

Theo kết quả một cuộc khảo sát của các công ty tư nhân Trung Quốc, nền kinh tế Trung Quốc phục hồi trên diện rộng trong quý II/2015, tuyên bố hỗ trợ chính thức rằng nền kinh tế lớn thứ hai thế giới bắt đầu trở lại.

Thị trường trong nước: Giá cao su trong nước đã tăng nhẹ trở lại sau khi thị trường phản ứng tích cực trước việc Thái Lan, nhà sản xuất cao su lớn nhất thế giới, thực hiện kế hoạch chặt bỏ những vườn cao su nằm ngoài quy hoạch. Tại Bình Phước, giá mủ cao su tạp 32 độ/kg tuần qua tăng 320 đ/kg, từ 9.600 đ/kg lên 9.920 đ/kg. Giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Dương chỉ tăng nhẹ 100 đ/kg, với cao su SVR3L tăng từ 29.700 đ/kg (ngày 17/6) lên 29.800 đ/kg (ngày 22/6); cao su SVR10 ở mức 24.500 đ/kg.

Sản lượng cao su hỗn hợp chế biến từ mủ nguyên khai thác kết hợp với các phụ gia và hóa chất cần thiết tại các cơ sở sản xuất ở miền Nam tăng khá nhanh, tạo ra nguồn cung lớn cho xuất khẩu, đã không tránh khỏi hiện tượng ứ đọng hàng chờ xuất tại các cửa khẩu phía Bắc. Các đối tác nhập khẩu Trung Quốc đã lợi dụng tình trạng này để ghìm giá, thậm chí ép giảm giá để có lợi cho mình. Tại ba cửa khẩu có giao dịch chủ yếu với sản lượng lớn mặt hàng này, giá cao su hỗn hợp xuất khẩu qua Lạng Sơn và Lào Cai giảm nhẹ 150 NDT/tấn xuống còn 9.650 NDT/tấn (tuần trước đạt 9.800 NDT/tấn). Tại cửa khẩu Móng Cái, do các doanh nghiệp phối hợp điều tiết sản lượng xuất khẩu tương đối phù hợp giữa cung và cầu nên giá chỉ giảm rất nhẹ ở mức 100 NDT/tấn. Trong tuần qua, lượng cao su hỗn hợp của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, theo thống kê tại các cửa khẩu quốc tế phía Bắc hạ giá của đối tác Trung Quốc do cung cao hơn cầu khiến cửa khẩu quốc tế Móng Cái chỉ chiếm 30% tổng lượng hàng cao su hỗn hợp xuất khẩu qua cửa khẩu phía Bắc.

Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA), trong tháng 6/2015, từ ngày 01 - 19/6/2015, giá SVR 3L của Việt Nam xuất khẩu chào bán đạt trung bình 1.782 USD/tấn, tăng 102 USD/tấn (+6,0%) so với mức trung bình trong tháng 5/2015, nhưng giảm 183 USD/tấn (-9,3%) so với tháng 6/2014.

Theo số liệu thống kê, ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 6/2015 đạt 92 nghìn tấn với giá trị 138 triệu USD, với ước tính này 6 tháng đầu năm 2015 xuất khẩu cao su đạt 422 nghìn tấn, giá trị đạt 614 triệu USD, tăng 22,3% về khối lượng nhưng giảm 5,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá cao su xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2015 đạt 1.441 USD/tấn, giảm 25,19% so với cùng kỳ năm 2014. Trung Quốc, Ma-lai-xia và Ấn Độ vẫn duy trì là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2015, chiếm 72,26% thị phần.

Ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 6/2015 đạt 37 nghìn tấn với giá trị đạt 63 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 6 tháng đầu năm 2015 đạt 193 nghìn tấn, giá trị nhập khẩu đạt 329 triệu USD, tăng 28,4% về khối lượng và tăng 8,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu từ các nước như Hàn Quốc (chiếm 20,3%), Nhật Bản (16,1%) và Campuchia (13,6%).

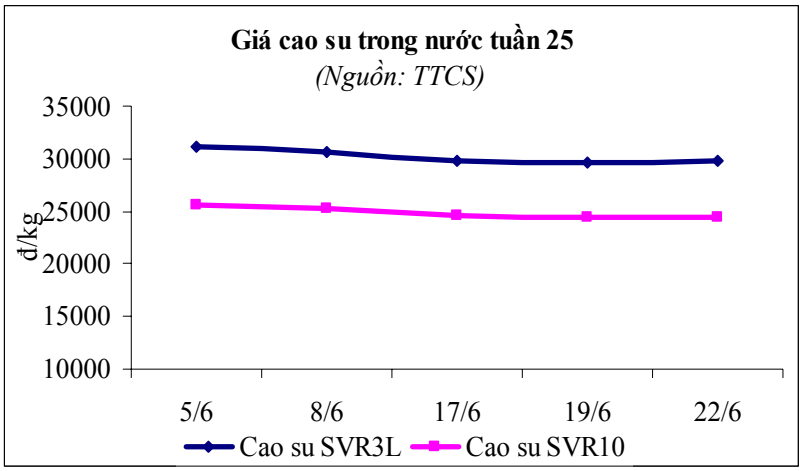

N.L.A

Thị trường thế giới: Giá gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch Chicago, Mỹ tuần qua giảm mạnh. Trong đó, hợp đồng kỳ hạn tháng 7/2015 cuối phiên giao dịch 24/6 giảm chỉ còn 288,9 USD/tbf, giảm 9,7 USD so với phiên cuối tuần 298,6 USD/tbf.

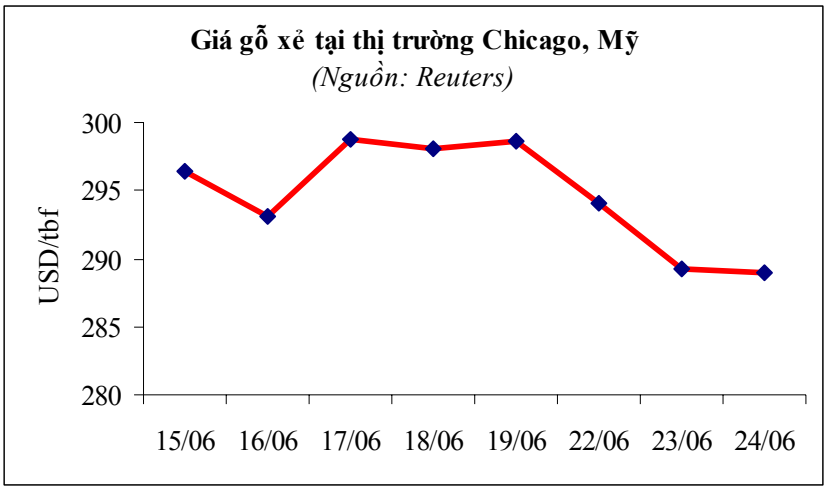

Trong năm 2015, thị trường gỗ xẻ của Mỹ không cải thiện nhiều so với dự đoán từ năm 2014. Thị trường nhà ở tại Mỹ dao động từ 900 nghìn đơn vị/tháng đến 1,13 triệu đơn vị/tháng, tỷ lệ được điều chỉnh theo mùa. Mặc dù thị trường nhà ở tại Mỹ trong quý 1/2015 thấp hơn so với quý 4/2014, sản xuất gỗ xẻ tại Mỹ và Ca-na-đa vẫn tăng nhẹ. Giá gỗ xẻ Mỹ đã giảm đáng kể trong hơn 9 tháng qua. Giá gỗ thông vàng tại thị trường phía Nam nước Mỹ giảm gần 30%, giá gỗ Douglas Fir giảm 18% và SPF ở phía Tây Ca-na-đa giảm 28%.

Giá gỗ tại các thị trường Bắc Âu đã giảm đáng kể từ mùa hè năm 2014. Trong đó, giá gỗ Phần Lan và Thụy Điển từ tháng 8 – 12/2014 giảm tương ứng 18% và 22%. Hiện tại, giá gỗ tại hai thị trường này đang ở mức thấp nhất kể từ năm 2009. Sự cạnh tranh về giá tính theo đồng USD dẫn đến sự gia tăng mạnh các lô hàng từ thị trường Thụy Điển sang Mỹ. Tuy nhiên, các xưởng cưa tại Phần Lan xuất khẩu mạnh sang thị trường Trung Quốc, Ai Cập, Ả rập Xê-út và Anh trong quý 1/2015.

Tại thị trường Nga, với sự suy giảm về trị giá của đồng Rúp, gỗ xẻ của Nga trở nên cạnh tranh hơn trong 15 tháng qua. Tính theo đồng USD, sự sụt giảm trong tiền tệ của Nga khoảng 27%, theo đồng Euro khoảng 8%. Giá trị trung bình của gỗ xuất khẩu từ Nga đã giảm từ 180 USD/m3 vào đầu năm 2014 xuống 130 USD/m3 trong tháng 3/2015. Tuy nhiên, mặc dù lợi thế khi đồng tiền nội tệ giảm để tăng mạnh xuất khẩu, các xương cưa của Nga lại giảm hoạt động trong thời gian này.

Tại thị trường Nhật Bản, trong năm 2015, chỉ có giá gỗ xẻ được điều chỉnh. Giá trung bình các loại Sugi (thường được gọi là tuyết tùng Nhật Bản) trong nước giảm nhẹ so với đồng USD, nhưng không có sự thay đổi về đồng Yên. Trong số các loại gỗ nhập khẩu, Whitewood châu Âu và Hemlock giảm mạnh nhất, giảm 5% từ tháng 1/2015 đến tháng 5/2015.

Thị trường trong nước: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt tốc độ tăng trưởng cao so với tốc độ tăng trưởng của toàn ngành trong nửa đầu năm 2015. Mỹ là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam. Trong đó, mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt tốc độ tăng trưởng nhanh từ năm 2008 đến nay với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 13%. Sản phẩm nội thất bằng gỗ của Việt Nam ngày càng được người tiêu dùng Mỹ ưa chuộng, đặc biệt là mặt hàng đồ nội thất dùng trong phòng ngủ.

Trong nửa cuối năm 2015, dự báo kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ tăng khoảng 15-18% so với nửa đầu năm. Các tín hiệu tích cực từ thị trường việc làm, xây dựng, cùng với nguồn tài sản vững vàng của người Mỹ làm động lực thúc đẩy nền kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh trong thời gian tới. Kinh tế Mỹ phục hồi, xu hướng chi tiêu tiêu dùng được cải thiện, thị trường nhà ở phục hồi tác động tới nhu cầu nhập khẩu nhiều mặt hàng, trong đó dự kiến nhu cầu nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ sẽ tăng mạnh trong nửa cuối năm 2015.

Theo số liệu thống kê, , ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 6 năm 2015 đạt 529 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2015 đạt 3,13 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2014. Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc – 3 thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2015 – chiếm 66,04% tổng giá trị xuất khẩu.

Ước giá trị nhập khẩu tháng 6/2015 đạt 155 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2015 đạt 1,05 tỷ USD, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, nhập khẩu gỗ từ thị trường Lào chiếm tỷ trọng 23,8%, tiếp đến là Campuchia và Trung Quốc lần lượt chiếm 13,9% và 11% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này.

N.L.A

Thị trường thế giới: Giá bán buôn thịt bò hôm 23/6 đã tăng 2,08 USD/cwt so với ngày trước đó, đạt 256,21 USD/cwt. Mặc dù thịt bò đang có mức giá cao nhưng các nhà bán buôn vẫn mua hàng để phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ ngày Quốc khánh Mỹ (4/7).

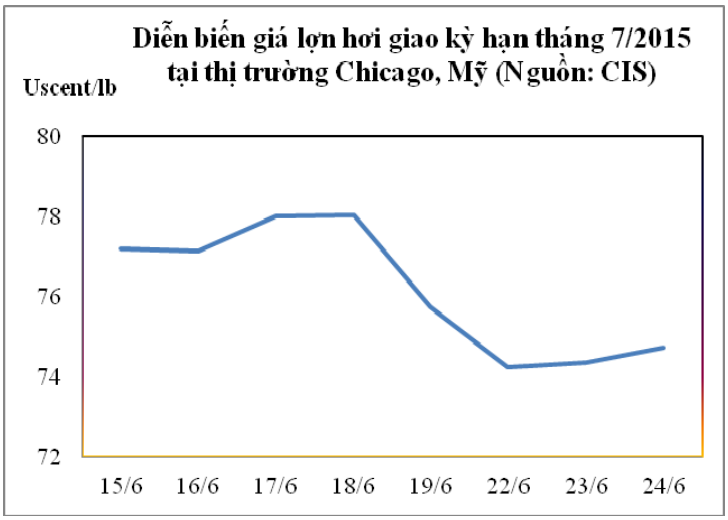

Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 7/2015 có dấu hiệu phục hồi nhẹ sau một đợt giảm giá diễn ra từ giữa tuần trước nhờ nhu cầu tăng. Chốt phiên giao dịch ngày 24/6, giá lợn hơi đạt 74,725 Uscent/lb, tăng 0,5 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch ngày đầu tuần (22/6).

Thị trường trong nước: Giá thu mua lợn hơi tại nhiều địa phương nhìn chung tiếp tục duy trì xu hướng ổn định của tuần trước. Theo đó, lợn hơi tại An Giang được các thương lái thu mua với mức giá là 47.000 đ/kg; Đồng Nai 45.000 – 46.000 đ/kg; Bạc Liêu là 46.000 – 50.000 đ/kg.

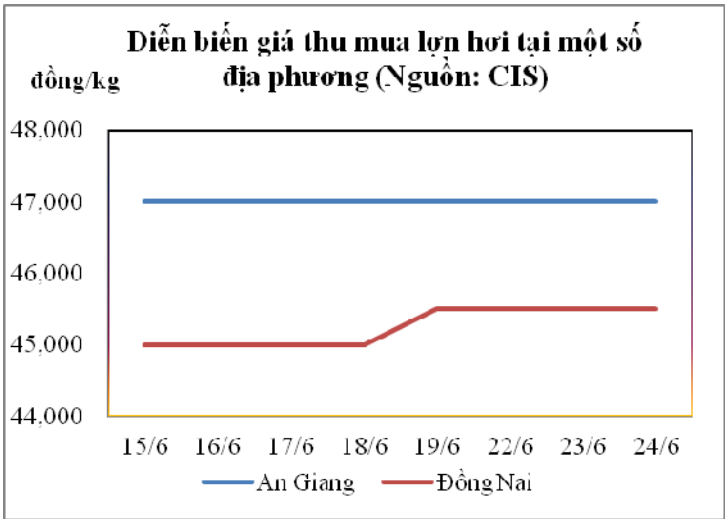

Tại các tỉnh phía Nam, giá gà thịt lông màu tăng nhẹ so với tuần trước do nguồn cung hạn chế. Cụ thể là, giá thu mua gà thịt lông màu tại các tỉnh Đông Nam Bộ tăng khoảng 1.000 – 2.000 đ/kg, hiện đạt 46.000 – 47.000 đ/kg; tại ĐBSCL tăng 2.000 đ/kg, hiện đạt 46.000 đ/kg.

Tham khảo giá bán tại trại gà thịt lông màu tại các tỉnh phía Nam

ĐVT: đồng/kg

	16/6	**23/6**
Đông Nam bộ	45.000	46.000-47.000
ĐBSCL	44.000	46.000

(Nguồn: Chăn nuôi Việt Nam)

T.T.P

Thị trường thế giới: Xuất khẩu tôm từ Ấn Độ đang bị ảnh hưởng tiêu cực của giá giáp xác như một hệ quả của nhu cầu sụt giảm, suy thoái, sự suy yếu tiền tệ của Nhật Bản và dư thừa nguồn cung tại các thị trường chính. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận xuất khẩu thủy sản của Ấn Độ trong năm tài chính hiện tại, đặc biệt là trong trường hợp tôm đông lạnh, chiếm 70% tổng giá trị xuất khẩu các loài giáp xác.

Trên toàn cầu, người mua tìm kiếm kích thước nhỏ hơn và giá rẻ hơn. Điều này có vẻ là xu hướng mới trên khắp nước Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Trong khi châu Âu vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi từ suy thoái kinh tế, nhận thức về sức khỏe nâng cao buộc người tiêu dùng Mỹ mua tôm cỡ nhỏ hơn. Trong khi đó, các chuyên gia thị trường chỉ ra rằng sản lượng tôm nuôi toàn cầu tăng từ 3,4 triệu tấn lên 3,6 triệu tấn vào năm 2014, với các nhà sản xuất châu Á chiếm khoảng 3 triệu tấn. Nhu cầu yếu từ tất cả các thị trường lớn của Mỹ và châu Âu.

Một vấn đề khác ảnh hưởng đến sức mua từ thị trường châu Á là Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA) đã từ chối nhập khẩu các lô hàng tôm từ Ấn Độ, Malaysia và Việt Nam, do phát hiện tôm bị nhiễm kháng sinh cấm. Có 6 công ty khác nhau từ ba nước bị từ chối nhập khẩu. Hai công ty Ấn Độ nằm trong danh sách - Sharat Industries và Sandhya Aqua Exports từ bang Andhra Pradesh.

Giá nguyên liệu tôm thẻ chân trắng ở Ấn Độ đang ổn định ở mức thấp, với nhu cầu mạnh đối với các kích thước nhỏ hơn. Tuy nhiên, có một vấn đề là Ấn Độ thiếu tôm cỡ nhỏ, từ 60 con/kg trở lên. Người nuôi tôm Ấn Độ thường chỉ tập trung thu hoạch tôm cỡ lớn, họ chỉ thu hoạch tôm sớm với cỡ nhỏ khi thời tiết không thuận lợi với những cơn mưa nặng hạt. Lý do bởi vì tôm cỡ lớn bán được giá hơn tôm cỡ nhỏ, vì vậy họ muốn chờ đến khi tôm lớn để thu lợi nhuận nhiều hơn. Nguồn cung hiện nay chủ yếu là cỡ 30, 40, 50 con/kg.

Hàng dự trữ được cho là cao ở Mỹ, cùng với tỷ giá hối đoái giữa đồng USD và đồng euro là một trở ngại lớn để bán sang châu Âu. Đối với Nhật Bản, sự yếu kém của đồng yên so với đồng đô la cũng là một vấn đề cho tiêu thụ.

Sản lượng tôm Ấn Độ dự báo sẽ tăng trong năm 2015, sau khi phục hồi từ năm 2014, năm mà hội chứng tử vong sớm đã có một tác động lớn đến sản xuất.

Thị trường trong nước: Thị trường cá tra nguyên liệu tại khu vực ĐBSCL đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại kể từ tuần trước. Tại An Giang, các công ty đang tìm mua cá nguyên liệu size từ 800-850gr/con và size trên 1kg/con, tuy nhiên sức mua trên thị trường vẫn còn yếu trong khi cá trong dân không còn nhiều. Ngày 25/6, giá tra nguyên liệu size dưới 1kg được các công ty mua từ 20.000 – 20.500 đ/kg (tùy phương thức thanh toán). Cá size lớn trên 1kg ở mức 21.000 đ/kg (trả chậm). Tuy giá tăng nhưng người nuôi vẫn lỗ, bởi giá thành nuôi đến 22.000 đồng/kg.

Tại Đồng Tháp, giá cá tra nguyên liệu cỡ dưới 1kg cũng đang tăng trở lại, hiện ở mức 20.500 đ/kg (trả tiền mặt) và 21.000 đ/kg (trả chậm).

Do giá cá tra thịt tăng, nên giá cá tra giống cũng tăng lên trung bình khoảng 200 đ/kg, ngày 23/6 giá cá tra giống loại 30 con/kg đang ở mức từ 18.700-19.000 đ/kg.

Theo các doanh nghiệp chế biến thủy sản, giá cá tăng bởi thị trường Trung Quốc đã "ăn" hàng trở lại. Thêm vào đó, nhờ ký kết Hiệp định Thương mại Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu, cá tra khi xuất vào Nga và các nước thành viên giảm thuế còn 0%. Trong khi đó, tại thị trường Mỹ, sau khi DOC công bố kết quả thuế chống bán phá giá lần thứ 10 (POR10), cá tra nhập khẩu từ Việt Nam phải chịu mức thuế gần 1 USD/kg.

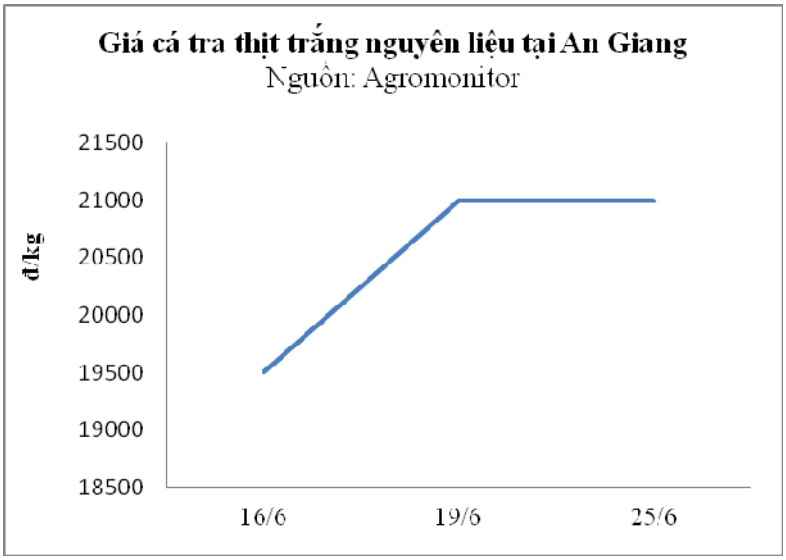

Giá tôm thẻ và tôm sú nguyên liệu đều suy giảm trong đầu tuần này. Tại Sóc Trăng, ngày 23/6, giá tôm sú sinh thái tại đầm giảm khá mạnh từ 10.000-30.000 đ/kg tùy theo kích cỡ khác nhau so với ngày 16/6 xuống mức 220.000 đ/kg loại 20 con/kg, 165.000 đ/kg loại 30 con/kg, 125.000 đ/kg loại 40 con/kg. Trong khi giá tôm sú giảm mạnh thì giá tôm thẻ sinh thái tại đầm lại có xu hướng giảm nhẹ khoảng 3.000 đ/kg với mọi kích cỡ khác nhau so với ngày 16/6. Ngày 23/6, giá tôm thẻ sinh thái tại đầm loại 40 con/kg ở mức 125.000 đ/kg, loại 60 con/kg là 105.000 đ/kg, loại 80 con/kg là 95.000 đ/kg và loại 100 con/kg là 85.000 đ/kg.

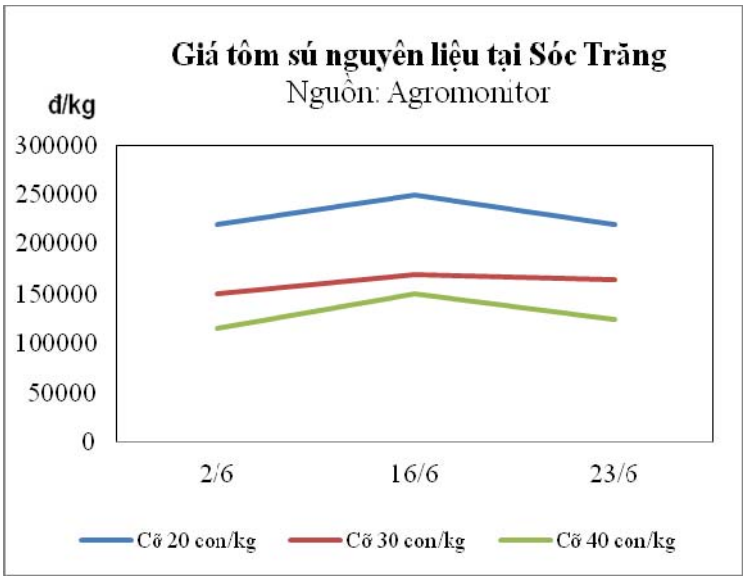

Giá tôm ở Mỹ đã chạm đáy, người mua thì vẫn thờ ơ, trong khi các nhà nhập khẩu Mỹ vẫn còn hàng tồn kho từ năm ngoái. Khách hàng EU, Nhật Bản cũng hạn chế mua tôm vì nhiều lý do. Bối cảnh thị trường thế giới ảm đạm khiến giá tôm tại Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật sụt giảm.

N.V.A

Thị trường trong nước: Tại Hải Dương, sản lượng vải tại Hải Dương vụ năm nay ước tính khoảng 50.000 tấn, giá cao hơn năm trước khoảng 20% nên lợi nhuận của người dân tăng lên đáng kể. Riêng vải trồng theo quy trình VietGap và GlobalGap có quy trình trồng và giám sát chặt chẽ hơn nên đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm nên năng suất quả cao hơn (khoảng 7 đến 8 tấn/ha) và có giá cao hơn vải trồng theo phương pháp truyền thống khoảng 2.000 đ/kg.

Hiện nay, trên thị trường, giá vải quả Hải Dương được thương lái thu mua với giá từ 13.000 -15.000 đ/kg. Ngay cả trong những lúc vải chính vụ, giá bán cũng dao động ở mức trên dưới 10.000 đ/kg. Đặc biệt, vải quả có mã đẹp, to tròn được thu mua với giá từ 17.000 - 18.000 đ/kg. Dự kiến, đến hết tháng 6/2015 thì vải quả sẽ được thu hoạch xong.

Những ngày gần đây, tại TP.HCM, giá rau trong nước tăng cao, khan hiếm hàng nên rau củ Trung Quốc bắt đầu tràn vào thị trường với muôn kiểu "đội lốt". Tại một số chợ ở TPHCM, khoai tây và cà rốt Trung Quốc được bán với giá 20.000 – 25.000 đ/kg, hành tây Trung Quốc có giá 10.000 đ/kg; bông cải xanh Trung Quốc khoảng 60.000-65.000 đ/kg, bông cải trắng 50.000 đ/kg; hành tím được bán với giá 25.000 đ/kg và tỏi là 30.000 đ/kg. Trong khi đó, hành tây của Việt Nam chỉ có giá 8.000 đ/kg. Hành tím miền Tây có giá từ 12.000 – 15.000 đ/kg, cà rốt và khoai tây cũng chỉ có 15.000 đ/kg, rẻ hơn so với hàng Trung Quốc. Lý giải việc nhập hàng Trung Quốc giá cao là các sản phẩm Trung Quốc thường có giá cả ổn định, ít biến động theo thị trường. Bên cạnh đó, các mặt hàng này đều có mẫu mã đẹp, hút người mua, trong khi đó hàng Việt Nam lên xuống thất thường, mẫu mã không đẹp, không đồng đều nên kén khách.

Tuần qua, một số loại rau tại Đà Lạt như bắp cải, hoa lơ, cải thảo, cải bó xôi có dấu hiệu giảm 500-2000đ/kg do sản lượng gia tăng nhẹ. Tuy nhiên, một số loại rau khác như hoa lơ trắng, cà chua, củ dền lại có dấu hiệu tăng 1.000 đ/kg.

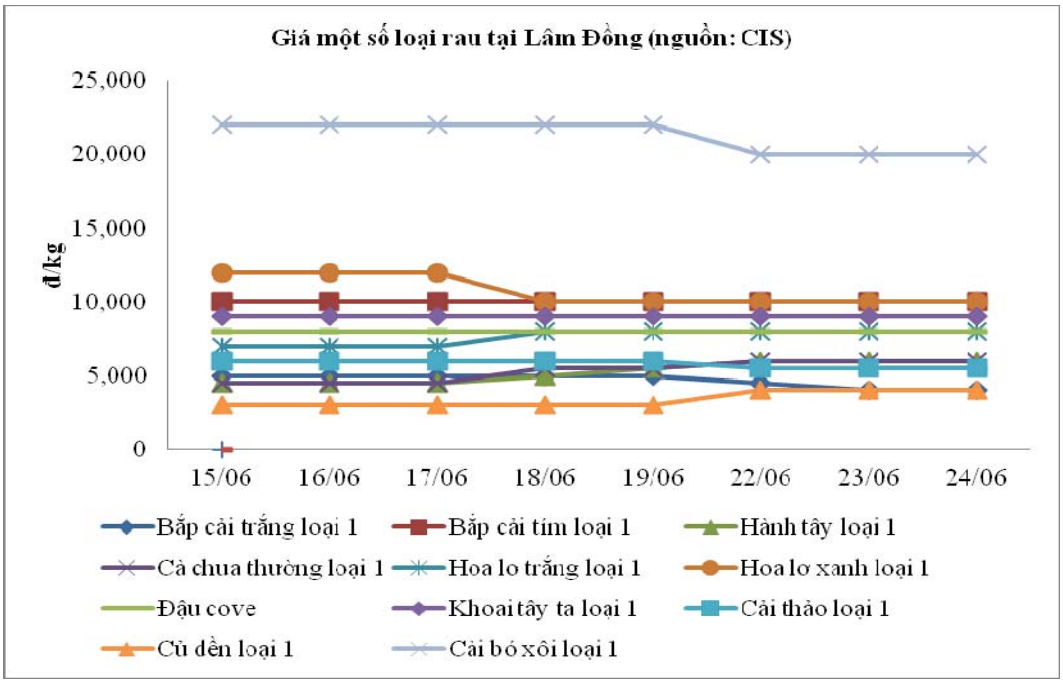

Tình hình xuất nhập khẩu: Vải thiều Việt Nam thời gian qua đã bắt đầu xuất hiện tại thị trường Mỹ song lại gặp khó khăn là khó cạnh tranh với sản phẩm của Trung Quốc. Giá đắt hơn 6 USD mỗi kg là lý do chính khiến vải thiều khó cạnh tranh với Trung Quốc tại thị trường mà phải mất 5 năm mới có thể thâm nhập. Sản phẩm của Trung Quốc rẻ hơn 4-6 USD nhờ có lợi thế về khoảng cách cũng như việc vận chuyển rất thuận lợi. Ngoài ra, thu hoạch sớm hơn Việt Nam một tháng cũng là lợi thế của vải Trung Quốc.

Tuy nhiên, chất lượng quả tươi của Việt Nam, trong đó có vải thiều được các đối tác đánh giá là ngon hơn so với vải bản xứ và Trung Quốc. Nhưng phí vận chuyển cao cũng như chưa đồng bộ một số khâu trong chuỗi cung ứng hàng đạt chuẩn đã khiến quả vải mất ngay lợi thế ở năm đầu tiên trên đất Mỹ.

Mới đây, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan(COA) đã có văn bản thông báo cho Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc(VECO) về việc Đài Loan sửa đổi một số điểm tại "Quy định kiểm dịch đối với thực vật hoặc sản phẩm thực vật nhập khẩu", trong đó nêu rõ "Điều kiện kiểm dịch nhập khẩu trái thanh long tươi ruột trắng (Hylocereus undatus) xuất xứ Việt Nam". Đây là dấu hiệu tốt cho mặt hàng trái cây thanh long xuất khẩu trong thời gian tới.

Tuần qua, mặt hàng xuất khẩu chính là thanh long xuất sang thị trường Hồng Kông với mức giá là 0.57 USD/kg và măng cụt tươi với giá là 1.2 USD sang thị trường Trung Quốc. Trong khi đó, mặt hàng trái cây tươi nhập khẩu chính trong tuần là táo tươi từ Newzealand và Mỹ với mức giá là 1 USD/kg; măng cụt tươi nhập từ Thái Lan với giá 1.1 USD/kg; và anh đào nhập từ Singapore giá là 9 USD/kg.

Theo số liệu Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu trái cây tháng 6 ước đạt 110 triệu USD, nâng mức tổng giá trị trong 6 tháng đầu năm lên 723 triệu USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc chiếm tỷ trong cao nhất (33,44%), kế đến phải kể đến Nhật Bản (4,79%), Hàn Quốc (4,62%); và Mỹ (3,7%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 62 triệu USD, đưa tổng mức giá trị trong 6 tháng là 250 triệu USD, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường xuất khẩu rau quả sang Việt Nam nhiều nhất vẫn là Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ, và Miama.

C.D.H

Thị trường thế giới: Tại Sở giao dịch Chicago, Mỹ giá bình quân mặt hàng ngô và đậu tương đã tăng so với tuần trước. Cụ thể, mức giá ngô bình quân tuần này là 364 USD/bushel cao hơn 10 UScent/bushel so với trước là 354 UScent/bushel. Bên cạnh đó giá đậu tương bình quân trong tuần này cũng tăng 24 UScent/bushel so với tuần trước lên mức giá là 986 Uscent/bushel. Nguyên nhân tăng giá là do chính phủ Mỹ chốt diện tích trồng trọt thấp hơn kỳ vọng thị trường. Việc này đồng nghĩa với việc dự báo sản lượng của 2 mặt hàng này sẽ giảm, khiến giá đã tăng trong tuần qua.

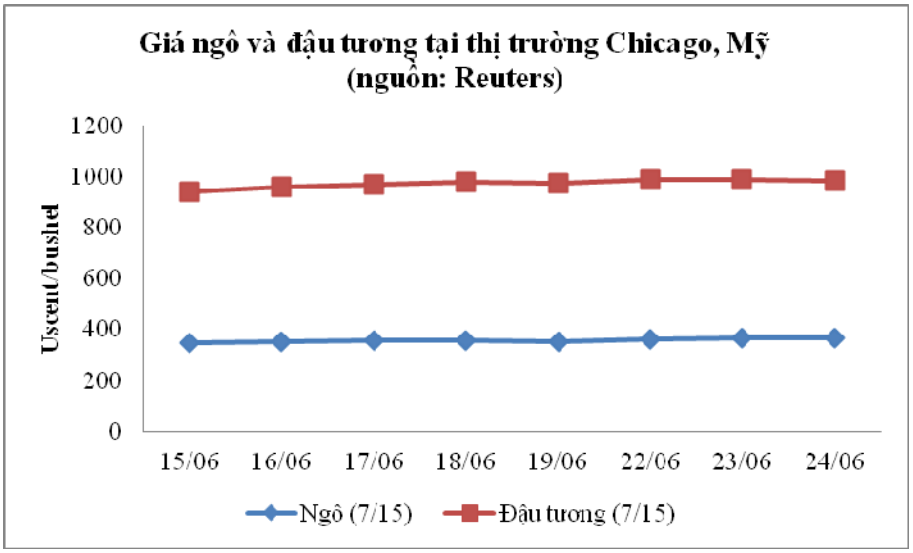

Thị trường trong nước: Tuần qua, giá một số thức ăn hỗn hợp tại một số tỉnh phía Bắc có xu hướng giảm nhẹ so với tuần trước. Như vậy tính trong tháng 6/2015, giá mặt hàng này nhiều lần giảm và đã giảm gần 1.000đ/kg so với thời điểm đầu tháng Cụ thể, tại Hưng Yên, giá cám viên và cám đậm đặc dành cho lợn giảm 100- 400đ/kg xuống các mức giá tương ứng là 9.800/kg và 14.700đ/kg. Nguyên nhân khiến giá thức ăn chăn nuôi công nghiệp trong thời gian qua giảm liên tục là do nguồn nguyên liệu nhập khẩu giảm theo xu hướng thị trường thế giới. Bên cạnh đó, hiện đã có rất nhiều cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi được hình thành khiến nguồn cung dồi dào. Các cơ sở mới luôn tìm mọi chiến lược để giảm giá thành và khuyến mại, đã thị trường của mặt hàng này giảm.

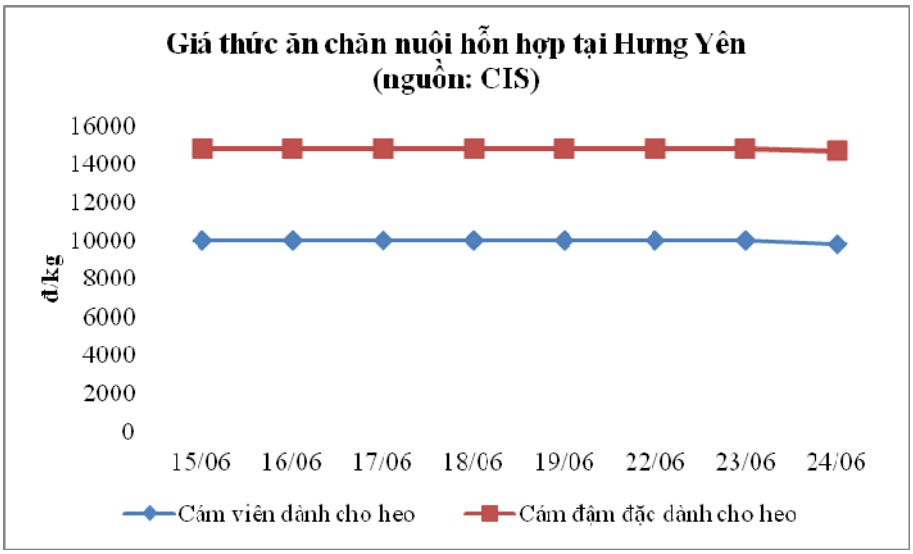

Trong những ngày qua do mưa liên tục, nhiều hộ dân ở tỉnh Tây Ninh phải hối hả thu hoạch khoai mì chạy mưa vì sợ bị úng. Chính vì việc thu hoạch sớm nên giá bán khoai mì chỉ 1.500 - 1.700 đ/kg, trong khi giá mua gần 2.400 đ/kg (cho khoai mì đạt 30 chữ bột).

Theo số liệu Tổng cục Hải quan, tuần qua mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu lớn nhất phải kể đến là cám mỳ viên với khối lượng nhập trên 1.000 tấn từ Tazania với mức giá 0.2 USD/kg. Ngoài ra, mặt hàng bột cá cũng là mặt hàng được nhập khẩu lớn trong tuần với khối lượng là 700 tấn và giá là 1.19 USD/kg.

Giá trị nhập khẩu nhóm mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu trong tháng 6/2015 ước đạt 303 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2015 đạt 1,73 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2014.Thị trường nhập khẩu chính của nhóm mặt hàng này là Achentina (chiếm 36,6% thị phần), tiếp đến là Hoa Kỳ (19,2%) và Trung Quốc (7,4%)

C.D.H

Thị trường thế giới: Giá Ure thế giới có xu hướng tăng cao trong tuần qua do nguồn cung Ure từ Trung Quốc bị thắt chặt trong khi nhu cầu từ Ấn Độ lại tăng mạnh. Hiện đang có vài thương vụ bán Ure hạt đục cho Ấn Độ ở mức giá hơn 292 USD/tấn.

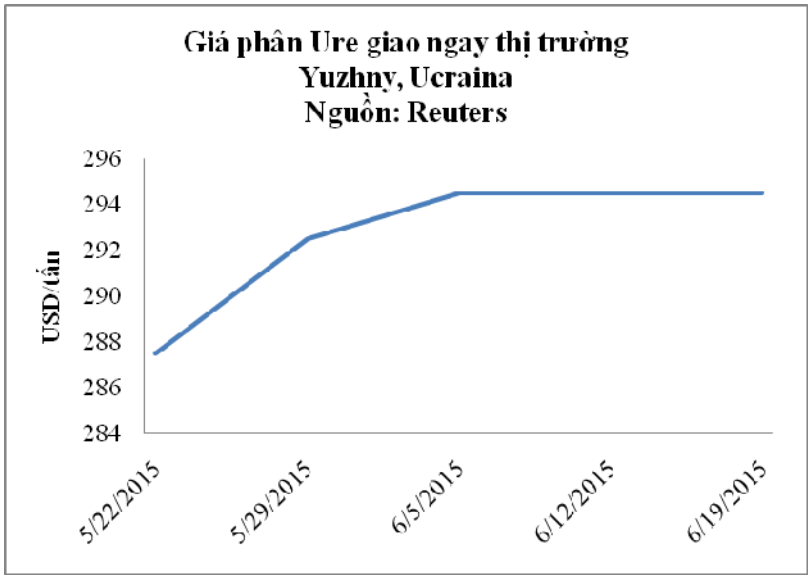

Tại thị trường Mỹ, giá Ure hạt đục có xu hướng tăng. Giá Ure giao ngay trong tháng 6 là 365 USD/tấn. Giá Ure hạt trong tại thị trường Yuzhny ổn định ở mức 294,5 USD/tấn. Dự báo, giá phân Ure thế giới sẽ có xu hướng tăng trong thời gian tới.

Giá bán lẻ phân DAP tại thị trường Mỹ tăng mạnh 16 USD/tấn lên 552 USD/tấn. Dự báo, nhu cầu phân DAP tại thị trường Ấn Độ tăng sẽ ảnh hưởng đến giá phân DAP trong ngắn hạn.

Thị trường trong nước: Khoảng một tháng qua, giá phân Ure tại nhiều khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL)và Tây nguyên tăng giá nhanh với mức tăng tới gần 1.000 đồng/kg. Giá phân Ure bán lẻ hiện ở mức 8.100 - 8.500 đồng/kg tùy địa phương.

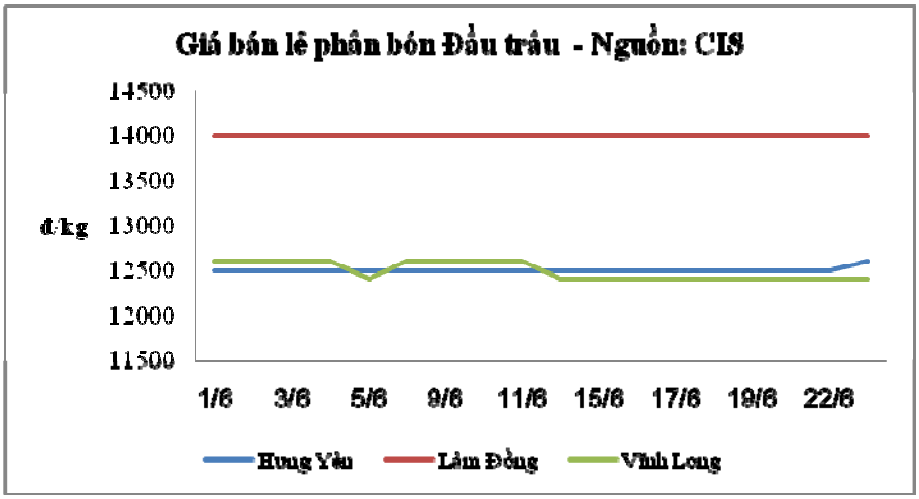

Giá phân bón, nhất là phân urê, tăng mạnh là do ở các khu vực miền Trung - Tây nguyên đã có mưa sau thời gian dài hạn hán, còn ở ĐBSCL đang trồng lúa vụ ba, miền Bắc chuẩn bị vào vụ hè thu nên nhu cầu sử dụng phân bón tăng. Ngoài ra, các quốc gia như Ấn Độ, Pakistan đang triển khai các gói thầu mua phân bón lớn làm cho giá phân bón thế giới tăng lên. Bên cạnh đó, giá phân Ure tăng do nguồn cung phân bón từ các nhà máy giảm. Tuy nhiên, đây chỉ là hiện tượng tăng giá cục bộ vì nhà máy đạm Phú Mỹ đang được bảo trì, nguồn cung giai đoạn này cũng đang hạn chế.

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 6 năm 2015 đạt 441 nghìn tấn với giá trị 145 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu phân bón 6 tháng đầu năm 2015 đạt gần 2,06 triệu tấn, giá trị nhập khẩu đạt 652 triệu USD, tăng 11,6% về khối lượng và tăng 12,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, khối lượng nhập khẩu phân đạm URE ước đạt 74 nghìn tấn với giá trị đạt 22 triệu USD, tăng 33,9% về khối lượng và tăng 23,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014; phân SA ước đạt 551 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 77 triệu USD, tăng 2,8% về khối lượng và tăng 5,3% về giá trị so với năm 2014. Nguồn phân bón nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, mặc dù giảm hơn năm 2014 nhưng vẫn chiếm tới 44,4 % tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này.

HNN

MUỐI

Theo Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành muối theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững vừa được Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố, các mục tiêu cụ thể cần đạt được là: (1) Đến năm 2020, tổng diện tích sản xuất muối ổn định 14.500 ha, sản lượng đạt 2 triệu tấn, trong đó diện tích sản xuất muối công nghiệp 8.000 ha, sản lượng muối công nghiệp đạt 1,31 triệu tấn (chiếm 65,5%); (2) Chất lượng muối đạt các chỉ tiêu chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia tương ứng với từng loại muối; (3) Phát triển diện tích sản xuất muối công nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ, thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất, nhất là khâu thu hoạch muối, tăng năng suất 20%, tăng giá trị gia tăng các sản phẩm muối ít nhất 20% so với hiện nay; (4) Nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống thủy lợi đồng muối của dân, áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến muối, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm muối ít nhất 20% so với hiện nay; (5) Xây dựng mô hình liên kết hợp tác sản xuất muối sạch bền vững, thúc đẩy sự hợp tác của người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ muối. Thứ trưởng Vũ Văn Tám nhấn mạnh, để đề án tái cơ cấu ngành muối đi vào thực tiễn hiệu quả, chúng ta phải bắt đầu triển khai từng bước trong bối cảnh nghề sản xuất cũng như diêm dân đang khó khăn, chính sách nhà nước chưa đáp ứng nhu cầu. Đề nghị các địa phương tập trung triển khai cụ thể hóa kế hoạch hành động, các chính sách hiện hành để hỗ trợ sản xuất, lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư, đặc biệt là cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối. Yêu cầu Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối tiếp tục tham mưu cho Bộ để soạn thảo Nghị định về ngành hàng muối trình Chính phủ, trong đó làm rõ công tác quản lý chất lượng, phân biệt muối ăn và muối công nghiệp, những tiêu chuẩn, quy chuẩn, cơ chế chính sách,.. nhằm tạo ra cơ chế đột phá trong ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp liên kết tốt với vùng nguyên liệu và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu.

Tuần qua, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi văn bản đề xuất thu mua tạm trữ muối vụ 2015 lên Bộ Nông nghiệp và PTNT. Theo đó, nhằm đảm bảo diêm dân có lãi tối thiểu 30%, TP.HCM đề xuất giá thu mua cao hơn giá thành sản xuất 30%. Được biết, sản lượng muối đăng ký thu mua tạm trữ niên vụ 2015 ở TP.HCM dự kiến đạt 30.000 tấn. Tính đến thời điểm ngày 20/5, TP.HCM là địa phương có diện tích sản xuất muối đứng thứ 3 cả nước (1.674,5ha), sản lượng muối thu hoạch của toàn thành phố đạt 133.320 tấn, tập trung chủ yếu tại huyện Cần Giờ.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá muối tại địa phương trong nước tuần qua ổn định. Giá bán buôn muối thường tại Nam Định ở mức 1.050 đ/kg, giảm 50 đ/kg so với thời điểm đầu tháng 6/2015. Tại Bạc Liêu, giá muối tiếp tục vững trong tuần thứ 3, với muối đen có giá 500 – 600 đ/kg; muối trắng từ 700 – 800 đ/kg.

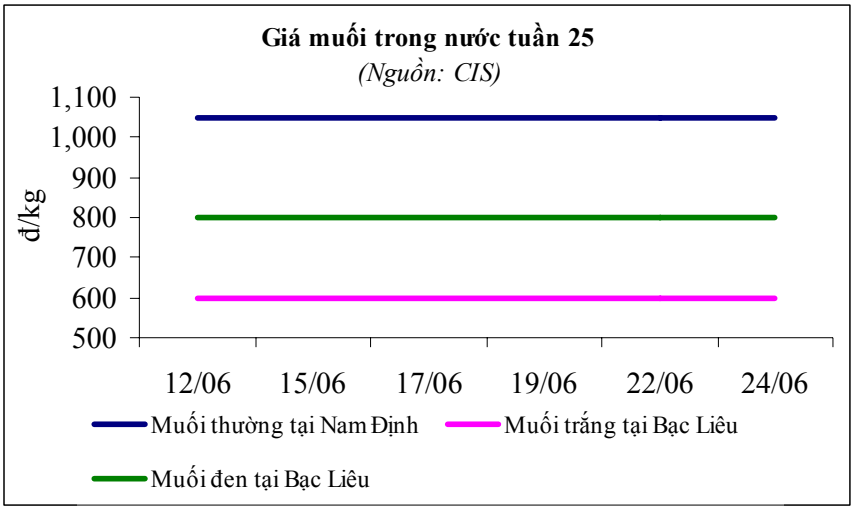

N.L.A

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU CÁ NGỪ TẠI VIỆT NAM

Với kim ngạch xuất khẩu 7,8 tỷ USD (2014, VASEP), vượt kế hoạch 1 tỷ USD, lọt top 5 các mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao nhất cả nước, thủy sản đã và đang là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn.

Nhắc đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam, ai cũng biết tới tôm và cá tra mà ít ai biết tới cá ngừ, một mặt hàng thủy sản truyền thống đã có từ năm 1994. Cá ngừ là sản phẩm có giá trị cao, nhu cầu về sản phẩm cá ngừ trên thế giới cũng ngày càng tăng, có giá trị xuất khẩu lớn thứ 4 trong các mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Thị trường tiêu thụ cá ngừ Việt Nam không ngừng gia tăng, hiện nay cá ngừ đã được xuất khẩu đến 99 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Cá ngừ là sản phẩm 100% đánh bắt tự nhiên với trữ lượng ước tính khoảng 600 nghìn tấn, chưa tính đến các ngư trường quốc tế mà Việt Nam có thể hợp tác khai thác. Vì thế, tiềm năng khai thác cá ngừ rất lớn và vẫn sẽ là mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực trong thời gian tới.

Bên cạnh những thuận lợi cũng như điều kiện, thời cơ nói trên, xuất khẩu cá ngừ cũng gặp phải những thách thức, khó khăn như: sản phẩm còn thiếu tính đa dạng, nguồn cá nguyên liệu còn hạn chế do phương pháp đánh bắt và công nghệ bảo quản lạc hậu, trình độ quản lý yếu kém,... Ngoài những khó khăn trong nước, ngành cá ngừ Việt Nam còn phải đối mặt với một thách thức lớn hơn là càng ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường thế giới. Với những hạn chế như đã nêu trên thì việc nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của xuất khẩu cá ngừ Việt Nam là tất yếu khách quan và cũng là yêu cầu cấp bách để Việt Nam hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

I. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁ NGỪ TẠI VIỆT NAM

1. Hiện trạng khai thác cá ngừ ở Việt Nam

1.1 Công nghệ bảo quản sản phẩm

Đa số hầm bảo quản sản phẩm sử dụng vật liệu với chất liệu là xốp ghép (Styrofor), một số tàu còn sử dụng bạt và những tấm xốp rời lót trong hầm nên khả năng giữ lạnh thấp, mức tiêu hao đá lớn, chất lượng sản phẩm giảm nhanh, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số tàu đã tiến hành lắp đặt hầm bảo quản bằng công nghệ xốp thổi (Polyurethane), đảm bảo chất lượng, kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm, song số lượng còn hạn chế.

Đối với tàu câu, quy trình xử lý, sơ chế và bảo quản chưa đảm bảo đầy đủ yêu cầu kỹ thuật, hầu hết không thực hiện công đoạn ngâm hạ nhiệt, nước đá chất lượng không đạt, thời gian bảo quản kéo dài (25 – 30 ngày), tỷ lệ cá đạt yêu cầu chất lượng ăn tươi (sashimi) thấp, nhất là câu tay kết hợp với ánh sáng.

Đối với tàu lưới vây, phương thức bảo quản cá ngừ chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; nhiều tàu thời gian bảo quản cá trên tàu dài từ 2 – 3 tuần, ảnh hưởng đến chất lượng và tổn thất sau thu hoạch cao.

1.2 Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên tàu

Công tác vệ sinh trên tàu đã được chú trọng và quan tâm; song do kết cấu vật liệu hầm bảo quản không đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm. Một số tàu lắp đặt hầm bảo quản bằng công nghệ xốp thổi (Polyurethane), vách Inox đáp ứng về điều kiện bảo quản sản phẩm, chất lượng cá được đảm bảo và và đáp ứng về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Nhìn chung, cơ sở vật chất, kỹ thuật, chất lượng hầm bảo quản, tay nghề và kỹ thuật xử lý, sơ chế, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch của tất cả các tàu khai thác cá ngừ hiện nay chưa đạt yêu cầu, nên chất lượng cá giảm sút, gây tổn thất sau thu hoạch còn lớn.

1.3 Mối quan hệ và các hình thức tổ chức sản xuất

Tổ chức sản xuất trên biển

Đối với đội tàu khai thác cá ngừ nói chung, khoảng 60% tàu hoạt động theo mô hình sản xuất độc lập, không theo hình thức tổ đội. Một số tàu bán sản phẩm trên biển, một số tàu gửi sản phẩm cho tàu khác về bờ tiêu thụ, như một số mô hình tàu câu vàng của Tam Quan, Bình Định.

Những tàu khai thác từ 15 ngày trở lên thường được tổ chức dưới dạng tổ đội sản xuất hoặc có mối liên hệ chặt chẽ với các tàu khác trong địa phương giúp nhau trong việc vận chuyển sản phẩm về bờ hoặc cung ứng nguyên, nhiên vật liệu từ bờ ra; đặc biệt giữa nghề lưới vây đêm có mối quan hệ với các tàu câu để kết nối khi gặp cây trôi (trà nổi) trên biển.

Có khoảng 10% tàu khai thác nghề lưới vây khai thác trong ngày. Hiện nay sản phẩm khai thác của nhiều tàu lưới vây được bán ngay cho các tàu dịch vụ thu mua trên biển, nên thời gian bám biển thường đến hết mùa trăng mới về bờ như tàu của các tỉnh Miền Trung và Miền Nam, đối với các tỉnh Miền Bắc mô hình này chưa được thực hiện.

Tuy nhiên, do ý thức cộng đồng chưa cao, nên việc hình thức sản xuất theo tổ đội và tổ chức liên kết sản xuất trên biển còn ở tỷ lệ thấp.

Liên kết khai thác với dịch vụ thu mua trên biển

Hiện nay, ba tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa có khoảng 295 tàu hoạt động dịch vụ thu mua sản phẩm khai thác trên biển; trong đó: Bình Định có 02 tàu, Phú Yên có 08 tàu, Khánh Hòa có 285 tàu. Riêng tỉnh Khánh Hòa có 25 tàu thu mua tại vùng lộng và vùng khơi. Nhiều tàu lưới vây được bán ngay cho các tàu dịch vụ thu mua này, như các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Các tàu của Bình Định bằng nghề lưới vây hoạt động ở các ngư trường các tỉnh phía Nam bán sản phẩm cho các tàu dịch vụ thu mua của các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa và các tàu thu mua các tỉnh phía Nam.

Mô hình tàu dịch vụ thu mua trên biển ngoài việc mua sản phẩm còn hỗ trợ thao tác trong quá trình thả lưới, cung ứng nhiên vật liệu và thực phẩm cho tàu khai thác... Hiện nay các mô hình tàu dịch vụ thu mua trên biển của ngư dân phát huy hiệu quả, tạo điều kiện để tàu khai thác và bám biển dài ngày, chi phí thấp, hiệu quả được nâng cao rõ rệt, cá được bán và chuyển về bờ nhanh, chất lượng sản phẩm tốt, giảm tổn thất sau thu hoạch.

2. Ngành chế biến cá ngừ ở Việt Nam

Trong lĩnh vực chế biến cá ngừ, hầu hết các nhà máy chế biến đều áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, các chương trình quản lý chất lượng tiên tiến như GMP, SSOP, HACCP, ISO; chương trình sản xuất sạch hơn; chương trình tiết kiệm năng lượng, xử lý nước thải... Công tác đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm được coi trọng. Các nhà máy thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra và được kiểm soát bởi Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản (NAFIQAD), đảm bảo đủ điều kiện xuất các sản phẩm cá ngừ vào các thị trường EU, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản...

Các nhà máy đã thực hiện chương trình quản lý chất lượng theo HACCP và được cấp Code Châu Âu đều thành lập Ban kiểm soát HACCP và trang bị hệ thống phòng thí nghiệm để kiểm soát chất lượng sản phẩm, nhất là kiểm soát các chỉ tiêu vi sinh và histamin.

3. Hiện trạng xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam

Giá trị xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam

Nhờ có tiềm năng khai thác với sản lượng lớn và giá trị kinh tế cao, nhu cầu thương mại lớn, nhiều năm qua cá ngừ luôn là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất trong toàn bộ ngành khai thác hải sản Việt Nam. Hiện cá ngừ Việt Nam đã được xuất khẩu sang 99 thị trường. Top 10 thị trường nhập khẩu cá ngừ lớn nhất của Việt Nam trong những năm qua là: Mỹ, Nhật Bản, Đức, Italia, Tây Ban Nha, Israel, Canada, Tunisia, Thái Lan và Mexico.

Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng cá ngừ giai đoạn 2010 – 2014

Đơn vị: tỉ USD

Chỉ số	Năm				
	2010	2011	2012	2013	2014
Giá trị xuất khẩu cả nước	71,6	96,91	114,53	132,03	150,19
Giá trị xuất khẩu cá ngừ	0,293	0,38	0,57	0,52	0,484
Giá trị xuất khẩu thủy sản	4,63	6,11	6,09	6,69	7,920
Tỷ trọng xuất khẩu cá ngừ trong ngành thủy sản	6,32%	6,22%	9,36%	7,78%	6.11%

Nguồn: Niên giám Hải quan tóm tắt về hàng hóa xuất nhập khẩu

Từ năm 2010 – 2012, giá trị xuất khẩu cá ngừ tăng nhanh 0,293 tỉ USD lên mức 0,57 tỉ USD, tăng 94,53% so với năm 2010, chiếm 9,36% trong tổng giá trị thủy sản xuất khẩu. Đây là mức tăng rất đáng kể khi trong cùng năm 2012, 2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ngành nuôi trồng thủy sản Việt Nam là tôm và cá tra đều giảm về giá trị xuất khẩu, lần lượt là 8,3% và 3,4%. Tổng giá trị xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam cả năm 2014 vẫn tiếp tục giảm hơn 8% so với năm 2013, đạt hơn 484 triệu USD, tỷ lệ cá đủ tiêu chuẩn xuất khẩu dưới dạng sản phẩm tươi, sống và đông lạnh có giá trị cao vẫn ở mức thấp nên xuất khẩu các mặt hàng cá ngừ có giá trị cao vẫn giảm. Tuy nhiên, cá ngừ vẫn là nhóm hàng có giá trị xuất khẩu cao nhất trong ngành khai thác hải sản Việt Nam.

Kim ngạch xuất khẩu cá ngừ tươi, sống và đông lạnh của Việt Nam (trừ thăn cá ngừ mã HS0304) trong năm 2014 chỉ đạt gần 59 triệu USD, giảm gần 45,7% so với năm 2013. Trong khi xuất khẩu thăn cá ngừ đông lạnh vẫn tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm, nên tổng giá trị xuất khẩu trong cả năm tăng gần 18% so với năm trước, đạt hơn 193 triệu USD. Xuất khẩu các mặt hàng cá ngừ chế biến năm 2014 của Việt Nam chỉ tăng 0,23% so với năm 2013, trong khi xuất khẩu cá ngừ đóng hộp vẫn tiếp tục giảm, giảm hơn 11% so với 2013 và đạt 177 triệu USD.

Bảng 2. Giá trị xuất khẩu các sản phẩm cá ngừ của Việt Nam năm 2014

Đơn vị: triệu USD

Sản phẩm	Giá trị	Tỷ lệ giá trị (%)	So với năm 2013 (%)
Cá ngừ mã HS03 (1)	**251,94**	**52,03**	**-7,38**
Cá ngừ sống/tươi/đông lạnh/khô (thuộc mã HS03, trừ mã HS0304)	58,76		-45,63
Cá ngừ (thuộc mã HS0304)	193,18		+17,83
Cá ngừ chế biến mã HS16 (2)	**232,29**	**47,97**	**-8,79**
Cá ngừ đóng hộp (thuộc mã HS16)	177,02		-11,28
Cá ngừ chế biến khác (thuộc mã HS16)	55,27		+0,23
Tổng giá trị xuất khẩu (1+2)	**484,23**	**100**	**-8.06**

Nguồn: Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

Thị trường xuất khẩu cá ngừ Việt Nam

Năm 2014, các sản phẩm cá ngừ của Việt Nam đã xuất được sang hơn 99 thị trường, thu hẹp hơn so với cùng kỳ năm 2013. Tổng giá trị xuất khẩu cá ngừ của 10 thị trường chính của Việt Nam trong năm 2014 vẫn chiếm hơn 85%, giảm so với năm 2013.

Trong quý IV, đáng chú ý là xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang Mỹ và ASEAN tiếp tục phục hồi, với tốc độ tăng trưởng khả quan hơn. Bên cạnh đó, xuất khẩu sang thị trường EU lại tiếp tục giảm. Do đó năm 2014, xuất khẩu sang phần lớn các thị trường nhập khẩu cá ngừ chính của Việt Nam đều giảm.

Nhật Bản đánh mất vị trí trước ASEAN xuống vị trí thứ 4 trong top thị trường hàng đầu, sau khi giảm mạnh nhập khẩu năm 2013 và tiếp tục giảm 46% trong năm 2014.

Bảng 3. Xuất khẩu cá ngừ Việt Nam sang các thị trường năm 2014

Đơn vị: triệu USD

Thị trường	Quý I/2014	Quý II/2014	Quý III/2014	Quý IV/2014	Cả năm 2014	So với năm 2013 (%)
Mỹ	38,557	46,453	43,125	47,082	175,217	-6,5
EU	33,430	35,964	31,128	34,693	135,215	-3,9
Đức	9,868	10,531	7,910	9,416	37,725	-12,1
Italia	6,151	6,626	2,880	4,902	20,559	-22,6
Hà Lan	6,418	5,508	2,511	2,131	16,567	+64,8
ASEAN	6,661	7,195	11,875	9,254	34,985	-1,5
Thái Lan	5,293	5,419	8,770	7,581	27,063	+8,1
Nhật Bản	7,050	6,575	5,170	3,768	22,564	-46,3
Israel	7,205	6,410	4,323	2,933	20,872	+16,6
Canada	2,376	4,257	2,364	2,960	11,958	+15,7
Tunisia	1,471	4,045	0,760	0,795	7,072	-33,2
Mexico	0,908	0,938	1,405	1,684	4,935	-33,2
Các nước khác	16,932	17,890	18,492	18,103	71,417	-4,5
Tổng	**114,591**	**129,727**	**118,644**	**121,273**	**484,235**	**-8,1**

Nguồn: Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

Biểu 1. Thị trường nhập khẩu cá ngừ năm 2014 tính theo giá trị

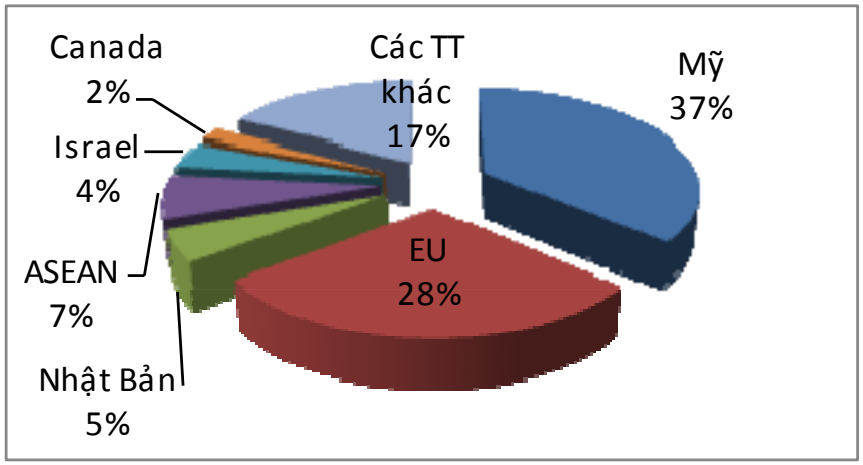

Tình hình xuất nhập khẩu cá ngừ tại một số thị trường chính

Thị trường Mỹ

Theo số liệu từ Bộ Nông nghiệp Mỹ, nhập khẩu cá ngừ của nước này từ năm 2012 trở lại đây đang ngày càng tăng. Năm 2012, Mỹ nhập khẩu 276.574 tấn cá ngừ từ 86 nước, trị giá 1,77 tỉ USD thì đến năm 2014, khối lượng cá ngừ nhập khẩu là 280.653 tấn từ 65 nước, trị giá 1,58 tỉ USD, tăng 1,47% về khối lượng nhưng lại giảm 10,73% về giá trị. Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ năm 2008 đến nay khiến cho hầu hết các mặt hàng cá ngừ tại thị trường Mỹ đều tăng giá, trong đó chỉ số giá cá ngừ vằn tăng mạnh nhất 112%, khiến cho người tiêu dùng Mỹ buộc phải tăng sử dụng các sản phẩm cá ngừ đóng hộp và qua chế biến giá trị thấp thay vì các sản phẩm cá ngừ tươi sống và đông lạnh có giá trị cao.

Bảng 4. Tiêu thụ cá ngừ tươi sống tại thị trường Mỹ

Loài	Năm 2011		Năm 2012	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)
Cá ngừ longcore	8.751	21.237.711	9.850	27.537.962
Cá ngừ mắt to	188	1.831.214	498	2.013.395
Cá ngừ vây vàng	73	2.777.345	516	4.040.748
Cá ngừ vằn	162	93.599	197	891.944
Cá ngừ vây xanh	65	3.773.065	650	4.853.723

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)

Thị trường nhập khẩu cá ngừ vào Mỹ chủ yếu là từ các nước ASEAN: Thái Lan, Việt Nam, Philippines và Indonesia. Tuy nhiên, trong những năm gần đây có thêm 2 quốc gia cũng góp tên mình vào nhóm các nước xuất khẩu dẫn đầu vào thị trường Mĩ, và đang dần khẳng định tên tuổi của mình với sự tăng lên cả về khối lượng và giá trị cá ngừ xuất khẩu, đó là Trung Quốc và Ecuador.

Bảng 5. Số liệu xuất khẩu cá ngừ từ các nước vào thị trường Mỹ

Nước xuất khẩu	2012		2013		2014	
	KL (tấn)	GT (tỉ USD)	KL (tấn)	GT (tỉ USD)	KL (tấn)	GT (tỉ USD)
Thái Lan	109.907	0,610	104.623	0,546	109.942	0,497
Philippines	27.139	0,191	21.229	0,136	25.283	0,136
Việt Nam	24.972	0,163	24.486	0,151	24.139	0,141
Indonesia	17.839	0,157	17.717	0,145	19.500	0,145
Ecuador	19.926	0,127	18.117	0,129	17.831	0,123
Trung Quốc	19.122	0,102	23.381	0,121	28.845	0,123
Các nước khác	57.669	0,419	68.147	0,429	55.113	0,416

Nguồn: Market Analysis and Research, International Trade Centre (ITC)

Bảng 6. Số liệu xuất khẩu cá ngừ Việt Nam vào thị trường Mỹ qua các năm

Mã SP	Sản phẩm	2012		2013		2014	
		KL (tấn)	GT (nghìn USD)	KL (tấn)	GT (nghìn USD)	KL (tấn)	GT (nghìn USD)
160414	Cá ngừ vằn và cá ngừ Đại Tây Dương tươi sống/qua chế biến, trừ sản phẩm cá viên	20.421	99.607	19.544	94.268	18.811	84.438
030487	Fillet cá ngừ vằn và cá ngừ sọc bụng đông lạnh	2.215	26.975	3.010	30.581	3.765	36.763
030232	Cá ngừ vây vàng, tươi hoặc đông lạnh, không bao gồm mã 03.04, gan và trứng cá	1.832	26.935	1.150	18.943	918	14.987
030342	Cá ngừ vây vàng đông lạnh, không bao gồm mã 03.04, gan và trứng cá	486	6.642	750	7.390	528	4.611
030343	Cá ngừ vằn và cá ngừ sọc bụng đông lạnh, không bao gồm mã 03.04, gan và trứng cá	10	20	23	58	62	148
030231	Cá ngừ albacore và cá ngừ vây dài đông lạnh, không bao gồm mã 03.04, gan và trứng cá	6	77				
030344	Cá ngừ mắt to đông lạnh	2	22				
Tổng		**21.972**	**160.278**	**24.477**	**151.240**	**24.084**	**140.947**

Nguồn: Market Analysis and Research, International Trade Centre (ITC)

Biểu 2. Xuất khẩu cá ngừ Việt Nam sang Mỹ năm 2013 - 2014 (GT)

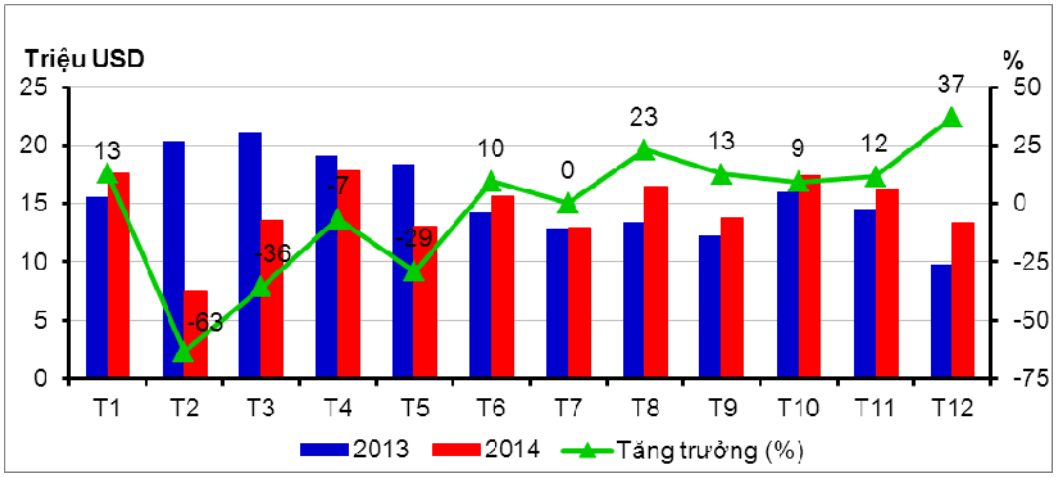

Nguồn: Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

Năm 2014, Mỹ là thị trường nhập khẩu lớn nhất cá ngừ của Việt Nam, là thị trường nhập khẩu đơn lẻ lớn nhất đối với phân khúc cá ngừ tươi, sống, đông lạnh và đóng hộp.

Trong năm 2014, cá ngừ đóng hộp tiếp tục là sản phẩm xuất khẩu nhiều nhất của Việt Nam sang thị trường này với tỷ trọng trong tổng giá trị xuất khẩu chiếm gần 43%, tiếp đến là thăn cá ngừ đông lạnh mã HS0304 với 38,5%, cá ngừ tươi, sống và đông lạnh (trừ thăn cá ngừ đông lạnh) gần 16% và cá ngừ chế biến khác là gần 3%.

Thị trường EU

Cá ngừ tươi là một sản phẩm có giá trị cao tại các nước EU. Năm loại cá ngừ đang được bán chủ yếu tại thị trường này là cá ngừ vằn (chiếm 57% sản lượng khai thác), cá ngừ vây vàng (chiếm 26%), cá ngừ mắt to (chiếm 10%), cá ngừ albacore (chiếm 5%) và cá ngừ vây xanh (chiếm 1%). Trong số đó, cá ngừ vây vàng là loài quan trọng nhất. Tính từ 2008 trở lại đây, nhập khẩu cá ngừ vây vàng của EU rất ít biến động. Cá ngừ vây vàng chủ yếu được tiêu thụ chủ yếu dưới dạng cắt miếng tươi hoặc đông lạnh. Chênh lệch giữa giá cá ngừ tươi và đông lạnh tại thị trường này là rất lớn. Còn cá ngừ sashimi chủ yếu là cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây vàng và cá ngừ mắt to.

Thị trường tiêu thụ chính cá ngừ tươi EU tập trung chủ yếu ở các nước Nam Âu, như: Pháp, Italia và Tây Ban Nha. Tuy nhiên, thời gian gần đây còn có Đức và Bỉ là 2 thị trường mới nổi rất đáng quan tâm. Và càng ngày các sản phẩm sushi cá ngừ càng phổ biến ở các nước Bắc Âu. Số lượng các nhà hàng sushi đang gia tăng nhanh chóng. Ước tính mỗi năm Châu Âu tiêu thụ khoảng 4.000 tới 8.000 tấn cá ngừ sashimi.

Trong giai đoạn 2012 – 2014, giá cá ngừ tươi của EU biến động chủ yếu phụ thuộc vào nguồn cung. Giá cá ngừ vây vàng và cá ngừ albacore ngày càng tăng do sản lượng khai thác giảm. Trong khi giá cá ngừ vằn, cá ngừ mắt to và cá ngừ vây xanh lại có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do sản lượng khai thác cá ngừ vằn vẫn ổn định trong thời gian này.

Hiện EU đang nhập khẩu cá ngừ từ 71 nước trên thế giới. Ecuadore và Thái Lan đang là 2 nước xuất khẩu nhiều nhất cá ngừ sang EU, với tỷ trọng về giá trị lần lượt là 12% và 8%. Trong khi đó, Philippines và Indonesia chỉ đứng ở vị trí thứ 5 và 8, với tỷ trọng chiếm 5% và 3%. Còn Việt Nam đang ở vị trí thứ 10 trong tốp các nước dẫn đầu về xuất khẩu cá ngừ vào thị trường này, chiếm hơn 2% về tỷ trọng giá trị nhập khẩu cá ngừ của cả khối EU.

Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang các nước EU những tháng cuối năm 2014 có xu hướng giảm so với cùng kỳ. Quý 4/2014, mặc dù tổng giá trị xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang EU tăng hơn 11% so với quý trước đó, nhưng so với cùng kỳ năm 2013 vẫn giảm nhẹ 0,05%. Do đó, tổng giá trị xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang EU trong năm 2014 đạt 135,2 triệu USD, giảm gần 4% so với năm 2013.

Năm 2014, cơ cấu mặt hàng cá ngừ của Việt Nam sang thị trường EU đã có sự thay đổi. Nếu như năm 2013, các sản phẩm chế biến và đóng hộp chiếm tỷ trọng lớn hơn so với các sản phẩm tươi, sống và đông lạnh, năm 2014 lại ngược lại. Tổng giá trị xuất khẩu cá ngừ chế biến và đóng hộp chỉ đạt hơn 65 triệu USD, giảm gần 11% so với năm 2013. Trong khi các sản phẩm tươi, sống và đông lạnh đạt hơn 70,1 triệu USD, tăng hơn 4%. Thăn cá ngừ đông lạnh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các mặt hàng cá ngừ sang thị trường EU, chiếm gần 49%.

Biểu 3. Xuất khẩu cá ngừ Việt Nam sang EU giai đoạn 2013 – 2014 (GT)

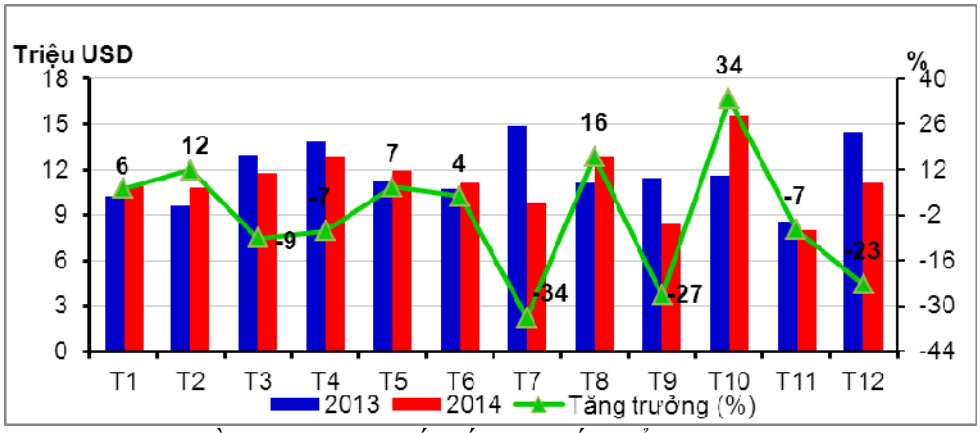

Nguồn: Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

Trong thời gian này, chỉ có mặt hàng thăn cá ngừ đông lạnh và cá ngừ chế biến khác là có sự tăng trưởng xuất khẩu, lần lượt là 5% và 2,5%. Trong khi đó, xuất khẩu cá ngừ đóng hộp, sản phẩm xuất khẩu nhiều thứ 2 của Việt Nam sang EU, giảm gần 14%. Xuất khẩu cá ngừ tươi, sống và đông lạnh mặc dù đã có sự phục hồi trong thời gian gần đây nhưng cả năm vẫn giảm hơn 9% so với năm 2013.

Đức, Italia và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu nhiều nhất cá ngừ của Việt Nam trong khối EU. Mặc dù trong quý IV/2014, xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Đức đã phục hồi , nhưng xét về giá trị thì sự thay đổi này là không đáng kể. Nên tính đến cuối năm 2014, chỉ có duy nhất Hà Lan tăng 64% giá trị nhập khẩu cá ngừ từ Việt Nam, còn Đức và Italia đều giảm lần lượt là 12% và 22,6%.

Thị trường Nhật Bản

Sau khi sụt giảm liên tục từ đầu năm, nhập khẩu cá ngừ của Nhật Bản từ tháng 6/2014 đã tăng trở lại. Nhập khẩu cá ngừ của nước này trong 8 tháng đầu năm 2014 đạt hơn 186 nghìn tấn, trị giá hơn 1,4 tỷ USD, tăng hơn 1,2% về khối lượng và hơn 0,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2013.

Nhìn chung, thị trường cá ngừ tươi, ướp lạnh tại Nhật Bản đã cải thiện. Do khí hậu đang trở nên mát hơn và nhu cầu đối với cá ngừ sashimi của người dùng đang cải thiện. Lượng cập cảng hiện tại của cá ngừ tươi / ướp lạnh tại Tsukiji đã tăng lên. Bên cạnh đó, thị trường cá ngừ đông lạnh cũng đang có chuyển biến tích cực. Khối lượng bán buôn đã tăng lên. Nhu cầu đối với cá ngừ thịt đỏ đông lạnh, đặc biệt là cá ngừ mắt to, đang có dấu hiệu gia tăng từ nhà hàng do sự tăng giá của cá hồi nhập khẩu. Hiện doanh số bán hàng cá ngừ mắt to đông lạnh tại Tsukiji và các tỉnh khác của Nhật Bản cũng đã tăng. Do đó, các doanh nghiệp Nhật Bản đang tăng cường nhập khẩu các sản phẩm cá ngừ tươi sống đông lạnh. Tổng nhập khẩu cá ngừ tươi, ướp đá, đông lạnh của Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2014 tăng hơn 2,6% về khối lượng và hơn 7,7% về giá trị. Nhập khẩu thăn cá ngừ cũng đang có xu hướng tăng về khối lượng, tuy nhiên vẫn giảm hơn 4,5% về giá trị.

Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ cá ngừ đóng hộp tại thị trường Nhật Bản vẫn rất ảm đạm. Nhập khẩu các sản phẩm cá ngừ đóng hộp của nước này vẫn tiếp tục giảm so với cùng kỳ. So với 8 tháng đầu năm ngoái, nhập khẩu các sản phẩm này giảm hơn 14% về giá trị và gần 3% về khối lượng.

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm cá ngừ tươi, Nhật Bản đang gia tăng nhập khẩu từ các nước. Hiện nước này đang nhập khẩu các sản phẩm cá ngừ từ hơn 51 nước trên thế giới. Đứng đầu là Đài Loan, tiếp đến là Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc và Trung Quốc, còn Việt Nam đang đứng thứ 20 trong bảng xếp hạng.

Năm 2014, xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang Nhật Bản giảm liên tục qua các quý. Hiện Nhật Bản đã tụt xuống đứng thứ 4 sau ASEAN trong top 10 thị trường chính. Tổng giá trị xuất khẩu sang đây trong quý 4 chỉ đạt gần 3,8 triệu USD, giảm hơn 27% so với quý trước đấy và so với cùng kỳ năm 2013. Do đó, tổng giá trị xuất khẩu trong cả năm 2014 chỉ đạt hơn 22,5 triệu USD, giảm hơn 46% so với năm 2013.

Tính cả năm 2014, xuất khẩu các mặt hàng cá ngừ của Việt Nam sang Nhật Bản đều giảm, trừ cá ngừ đóng hộp. Trong đó, xuất khẩu mặt hàng chủ lực là thăn cá ngừ đông lạnh sang đây chỉ đạt hơn 10 triệu USD, giảm gần 15%. Còn xuất khẩu cá ngừ tươi, sống và đông lạnh giảm mạnh nhất, giảm hơn 74% so với cùng kỳ, chỉ đạt 6 triệu USD.

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU CÁ NGỪ TẠI VIỆT NAM

1. Thuận lợi

- Thị trường nhập khẩu cá ngừ Việt Nam trải rộng gần như khắp thế giới, đáng chú ý là các thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm như Mỹ, Nhật Bản, EU,... hiện đều đang là thị trường truyền thống của Việt Nam, ngoài ra xuất khẩu cá ngừ Việt Nam cũng đang rất phát triển ở thị trường tiềm năng Trung Đông.
- Ngư dân đã bắt đầu biết ứng dụng các phương pháp đánh bắt tiên tiến (câu cá ngừ bằng đèn led, máy thu câu (MSW-1DR 130) và máy tạo xung (xung điện – tuna shocker), màng chụp,…) và khoa học kỹ thuật hiện đại vào đánh bắt, bảo quản sau thu hoạch (cải tạo hầm bảo quản bằng xốp thổi Polyurethane bọc inox, bể ngâm hạ nhiệt nhanh,…). Cùng với đó là năng lực, chất lượng nhà máy chế biến các sản phẩm cá ngừ trong nước cũng rất cao, nhờ vậy mà không chỉ sản lượng đánh bắt cá ngừ tăng đáng kể mà chất lượng cá ngừ đánh bắt được cũng tăng theo.
- Nhà nước có các chính sách quan tâm sâu sát hơn đối với ngành cá ngừ nói chung và hoạt động xuất khẩu cá ngừ nói riêng một cách hiệu quả và bền vững thông qua các đề án tái cấu trúc ngành, nâng cao giá trị cho con cá ngừ, đề án tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ cá ngừ theo chuỗi, đồng thời tăng cường trao đổi thông tin với doanh nghiệp nhằm có được những giải pháp thích hợp cho sự phát triển của ngành trong thời điểm hiện tại.
- Các chương trình hợp tác quốc tế như chương trình hợp tác với EII trong việc dán nhãn an toàn cá heo cho các sản phẩm cá ngừ của Việt Nam đã có những bước khởi đầu tốt, mở ra cơ hội tiếp cận thị trường tiêu thụ cao cấp tại các nước.

- Việt Nam đang tiến gần tới các thỏa thuận đàm phán các Hiệp định Thương mại tự do với các nước (như FTA với EU, TPP với Nhật Bản...). Nếu kết quả đàm phán tốt, đây sẽ là cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm cá ngừ Việt Nam tại các thị trường.

2. Khó khăn, tồn tại

- Ngư dân Việt Nam đa phần không hiểu biết và không ghi chép đầy đủ báo cáo/nhật ký khai thác khiến cho giá trị và khối lượng cá ngừ xuất khẩu của Việt Nam đang ngày càng giảm khi phải đối mặt với các chính sách mang tính bảo hộ của các thị trường nhập khẩu.
- Việc áp dụng khoa học công nghệ vào hoạt động đánh bắt cá ngừ diễn ra manh mún, chưa đồng bộ khiến cho sản lượng và chất lượng cá ngừ đánh bắt không đồng đều tại các địa phương, hạn chế về cả tàu thuyền, công nghệ khai thác và công nghệ bảo quản sau thu hoạch nên sản lượng khai thác được còn chưa tương xứng so với tiềm năng, gây khó khăn cho công tác tìm nguồn nguyên liệu có chất lượng cao của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu.
- Tiềm lực vốn của các doanh nghiệp thủy sản còn yếu.
- Tính liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ còn thấp. Chuỗi liên kết từ khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ phát triển một cách tự phát, chưa được kiểm soát, không bền vững.
- Chưa thực sự quan tâm trong việc xác định cá ngừ là đối tượng chủ lực và giá trị kinh tế đối với tổ chức sản xuất trong khai thác thủy sản xa bờ, cũng như phát triển ngành sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu cá ngừ.
- Năng lực trong khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ cá ngừ chưa tương xứng với tiềm năng về nguồn lợi; khả năng, năng lực và nguồn lực xã hội; nhu cầu của thị trường và xu thế kinh tế thế giới.
- Chưa linh hoạt đối với những sự thay đổi của thị trường nhập khẩu.
- Hoạt động hỗ trợ, phục vụ khai thác cá ngừ (vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực khai thác, vốn vay hỗ trợ phục vụ sản xuất; hệ thống hậu cần, dịch vụ, công tác ứng dụng tiến bộ KH-KT, công tác Khuyến ngư...) còn thiếu, yếu và chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG, TÁC ĐỘNG ĐẾN SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU CÁ NGỪ CỦA VIỆT NAM

1. Môi trường luật pháp

- Hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ hiện đang chủ yếu gặp vướng mắc tại khâu cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm để xuất khẩu vào EU. Cụ thể là theo quy định của Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (NAFIQAD), ngoài các hồ sơ chứng thư xuất khẩu (H/C), hồ sơ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm theo thông tư 25/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các lô hàng nguyên liệu nhập khẩu phải được khai thác/vận chuyển bởi tàu khai thác có EU code hoặc sơ chế từ cơ sở nước ngoài có EU code thì mới được cấp giấy H/C xuất khẩu vào thị trường EU. Trong khi, thực tế các nước trong khu vực đang xuất khẩu sang EU, tương tự như Việt Nam, không quy định và yêu cầu như vậy. Các luật và quy định hiện hành

của Việt Nam, cũng như các quy định của EU cũng không thấy có nội dung nào như vậy. Thực tế này đang khiến cho các doanh nghiệp gặp khó, mất đi nhiều cơ hội xuất khẩu.

- Các thị trường nhập khẩu cũng ngày càng khắt khe hơn đối với nguồn gốc của các sản phẩm. Cụ thể, tại Mỹ, từ giữa năm 2014, Tổ chức Earth Island (EII) đã cảnh bảo Việt Nam về việc khai thác cá ngừ bằng lưới cản hoặc lưới rê đang vi phạm các quy định của chương trình bảo vệ cá heo trong thương mại cá ngừ toàn cầu. Chính phủ Mỹ cũng đã thông qua Đạo luật về Thông tin cho người tiêu dùng về bảo vệ cá heo (DPCIA) để đảm bảo thủy sản nhập khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn cao, bảo vệ cá voi và cá heo thì việc kiểm soát các sản phẩm cá ngừ nhập khẩu vào thị trường này sẽ càng khắt khe hơn. Theo đạo luật này, tất cả các sản phẩm cá ngừ đóng hộp được bán tại thị trường Mỹ được dán nhãn "An toàn cá heo" phải có xác nhận rằng không có cá heo đã bị giết hoặc bị thương nặng trong quá trình khai thác, không có vấn đề gì về loại thiết bị được sử dụng hoặc trong trường hợp cá ngừ bị bắt.

Hơn thế nữa, trong bối cảnh EU và Mỹ ngày càng chú ý kiểm soát hoạt động khai thác bất hợp pháp, không theo quy định và không báo cáo (IUU), đây thực sự là vấn đề nổi cộm của Việt Nam. Bởi lẽ, khâu quản lý, thu thập dữ liệu và thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động khai thác của cơ quan quản lý còn nhiều bất cập và tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó có thể đạt yêu cầu của các thị trường. Ngư dân đa phần không hiểu biết và không ghi chép đầy đủ báo cáo/nhật ký khai thác. Hiện trạng này làm các doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ gặp khó khăn nếu thị trường nhập khẩu áp dụng cá biện pháp quản lý chặt.

2. Môi trường cạnh tranh Quốc tế

Hiện tại, một trong các yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất tới khả năng cạnh tranh của cá ngừ Việt Nam tại trị trường xuất khẩu là nguyên liệu. Nếu như năm 2013, sản lượng khai thác cá ngừ của Việt Nam tăng đáng kể nhờ việc cải tiến phương pháp đánh bắt. Sang năm 2014, sau khi điều chỉnh lại phương pháp đánh bắt nhằm nâng cao chất lượng cá sau khai thác nhưng chất lượng cá nguyên liệu vẫn chưa được nâng cao và không ổn định, sản lượng khai thác lại có xu hướng giảm. Điều này đã khiến các doanh nghiệp phải chuyển sang làm hàng đông lạnh thay vì làm hàng chất lượng cao (như sashimi..), đồng thời phải nhập khẩu thêm nguyên liệu để chế biến xuất khẩu.

Hiện tại, nguồn cá ngừ nguyên liệu trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp, phần còn lại phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Và với lượng cá ngừ nguyên liệu cần nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất xuất khẩu tới hơn 50%, đã khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và giảm năng lực cạnh tranh đáng kể. Nguyên nhân là do các doanh nghiệp hiện thực tế vẫn phải tạm nộp thuế nhập khẩu cá ngừ từ 10 - 24%. Trong khi đó, các nước sản xuất xuất khẩu cá ngừ láng giềng lại đang có những chính sách trong và ngoài nước ngày một tốt hơn. Ví dụ như Thái Lan, thuế nhập khẩu cá ngừ nguyên liệu đang là 0%, điều này giúp cho các doanh nghiệp của các nước này có một nguồn nguyên liệu dồi dào và hỗ trợ tốt cho chiến lược cạnh tranh tại các thị trường.

Mặt khác giá nhiên liệu, nhu yếu phẩm ngày càng tăng cao khiến cho chi phí mỗi chuyến biển tăng, ảnh hưởng tới giá cá nguyên liệu, đẩy giá cá nguyên liệu lên cao.

Tất cả các yếu tố trên đẩy chi phí sản xuất tăng cao, cùng với thuế nhập khẩu và các chính sách bảo hộ tại thị trường nhập khẩu khiến cho tính cạnh tranh của sản phẩm cá ngừ xuất khẩu Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Cạnh tranh tại các thị trường cũng ngày càng trở nên gay gắt. Cụ thể, trong khi công cuộc đàm phán hội nhập của Việt Nam vẫn chưa đạt được kết quả cuối cùng thì các nước đối thủ như Ecuador và Philippines đã đạt được những kết quả nhất định trong việc đàm phán thương mại với các thị trường nhập khẩu cá ngừ lớn như EU… Cụ thể, các sản phẩm xuất khẩu của các nước này sang EU sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan 0%. Điều này đã tạo áp lực lên các doanh nghiệp xuất khẩu trong thời gian tới, đồng thời làm giảm khả năng cạnh tranh của cá ngừ Việt Nam tại các thị trường hơn nữa.

Tuy nhiên, cũng có những điểm sáng nhiều khả năng sẽ xuất hiện, gia tăng tính cạnh tranh của cá ngừ Việt Nam. Các thỏa thuận đàm phán các Hiệp định Thương mại tự do với các nước như Đàm phán Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Lý do chủ yếu là vì trong TPP có Hoa Kỳ và Nhật Bản – các thị trường nhập khẩu quan trọng của cá ngừ Việt Nam. Nếu TPP được đàm phán thành công, thuế xuất khẩu sang Nhật Bản sẽ giảm. Hiện nay, thuế nhập khẩu đối với cá ngừ của Việt Nam sang Nhật Bản khoảng từ 6,4-7,2% trong khi đó Thái Lan và Philippines xuất khẩu sản phẩm này sang thị trường Nhật Bản có mức thuế 0%. Sự mất lợi thế này sẽ kéo theo các doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ Việt Nam khó có lãi, giá thu mua nguyên liệu của ngư dân không thể cao hơn. Hiệp hội Cá ngừ Việt Nam cho rằng, TPP không chỉ mang lại sự cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ sang Nhật khi thuế suất giảm bằng 0%, mà quan trọng hơn sẽ tác động đến thu nhập của ngư dân khai thác cá ngừ 3 tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, nơi có trên 1.800 tàu câu cá ngừ đại dương. Cũng theo Hiệp hội Cá ngừ Việt Nam, TPP có hiệu lực còn tháo gỡ một nút thắt khác đó là thuế suất nhập khẩu nguyên liệu để chế biến. Theo ước tính, mỗi năm có khoảng 10.000 tấn cá ngừ đại dương được nhập khẩu. Thuế suất nhập khẩu giảm bằng 0% là một lợi thế đối với các doanh nghiệp. Đối với thị trường Mỹ, khi tham gia TPP, các sản phẩm cá ngừ của Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận với thị trường này, cũng như thị trường của các nước thành viên khác. Phần lớn các dòng thuế quan hiện đang áp dụng đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu đã tương đối thấp (thuế quan trung bình là 0,3% đối với các loại thủy sản sống; 4,7% đối với thủy sản chế biến), tuy vậy TPP sẽ giúp giảm thuế xuống mức 0% cũng sẽ làm tăng lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm cá ngừ Việt Nam trên thị trường này.

3. Các nhân tố nội tại quốc gia

Về cơ bản, các nhân tố trong nước không tác động quá lớn tới hoạt động sản xuất, xuất khẩu cá ngừ. Tuy vậy, đây vẫn là các yếu tố không thể thiếu, có ảnh hưởng về lâu dài với xuất khẩu cá ngừ Việt Nam:

- Ngư dân tại một số địa phương đã cải tiến phương pháp đánh bắt như: câu cá ngừ bằng đèn led, màng chụp, áp dụng máy dò ngang để dò cá với bán kính rộng gấp nhiều lần máy tầm ngư thông thường,... Nhờ vậy, sản lượng khai thác tăng đáng kể. Tuy nhiên, vẫn thiếu nguyên liệu chất lượng cao để chế biến, do kỹ thuật khai thác và khâu bảo quản sau thu hoạch chưa đạt yêu cầu như mong đợi.

- Trong thời gian gần đây, các hoạt động hợp tác khai thác, chuyển giao công nghệ đánh bắt và bảo quản giữa Việt Nam và Nhật Bản đang diễn ra ngày một chặt chẽ, hình thành chuỗi giá trị cá ngừ thí điểm. Cá đánh bắt được sẽ được xuất khẩu trực tiếp sang Nhật Bản. Chất lượng thịt cá rất tốt, đủ chất lượng để làm shashimi. Tuy nhiên đây vẫn chỉ là mô hình thí điểm trên 5 tàu đánh bắt tại Bình Định, cần nhân rộng mô hình ra các địa phương khác.
- Cơ sở hạ tầng và dịch vụ tại các cảng cá tại Việt Nam chưa đồng đều và còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn vệ sinh cũng đang là mối quan ngại của các doanh nghiệp thu mua xuất khẩu cá ngừ (bị nhiễm vi sinh), nhất là trong điều kiện các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm đang ngày càng được thắt chặt tại các thị trường nhập khẩu cá ngừ Việt Nam do yếu tố bảo hộ các doanh nghiệp thủy sản nội địa.
- Nguồn vốn cũng là một vấn đề đang khiến cho các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu phải đau đầu. Hiện nay, hơn 90% doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản đang thiếu vốn, phần lớn doanh nghiệp khó khăn về nguồn nguyên liệu và biến động lao động có tay nghề. 80-90% doanh nghiệp buộc phải giảm công suất chế biến, không mở rộng thêm dây chuyền sản xuất.
- Chính phủ đã quan tâm hơn tới việc phát triển nghề khai thác cá ngừ hiệu quả và bền vững hơn thông qua các đề án tái cấu trúc cho ngành cá ngừ, điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành cá ngừ Việt Nam trong thời gian tới.

IV. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁ NGỪ Ở VIỆT NAM

1. Căn cứ đề xuất giải pháp

1.1. Căn cứ bối cảnh thị trường xuất khẩu

Ảnh hưởng từ cuộc đại suy thoái kinh tế thế giới năm 2008 vẫn còn dai dẳng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới các nhu cầu tiêu thụ cá ngừ tại các thị trường. Nhập khẩu cá ngừ cá ngừ năm 2014 của top 10 nước nhập khẩu cá ngừ nhiều nhất thế giới đều thấp hơn so với cùng kỳ năm 2013, trừ Nhật Bản tăng nhẹ 0,9%.

Một loạt cảnh báo của EU đối với các nước về tình hình thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động khai thác bất hợp pháp, không theo quy định và không báo cáo (IUU), hay một số nước bị cấm xuất khẩu sang EU trong năm 2014; cộng với việc Mỹ thông qua quy định mới về bảo vệ cá voi và cá heo, rồi cảnh báo của các tổ chức trên thế giới về nguồn lợi cá ngừ đang cạn kiệt, khiến cho xu hướng tiêu dùng các sản phẩm cá ngừ được khai thác một cách bền vững sẽ ngày càng tăng.

Nhu cầu đối với các sản phẩm chế biến dạng sơ chế (ready-to-cook) và chế biến sẵn tại các thị trường cũng đang ngày càng cao. Chẳng hạn như các sản phẩm thăn cá ngừ ngâm dầu ngày càng phổ biến tại các thị trường EU hay thị trường Mỹ. Và tại thị trường Nhật Bản, các sản phẩm sashimi đông lạnh cũng đang được sử dụng rất rộng rãi.

Bên cạnh đó, do tình hình kinh tế tại các thị trường nhập khẩu chính vẫn chưa được cải thiện đáng kể, nên trong ngắn hạn nhu cầu tiêu thụ đối với các sản phẩm cá ngừ có giá trị thấp vẫn sẽ tiếp tục tăng.

1.2. Căn cứ định hướng phát triển ngành

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đưa đến cho Việt Nam nhiều cơ hội, song thách thức cũng không ít. Trong khi đó, ngành xuất khẩu cá ngừ đại dương ở Việt Nam còn khá non trẻ nên vẫn còn tồn tại những vướng mắc, bất cập chưa được giải quyết. Do đó, để tránh những thiệt hại xảy ra, đẩy mạnh tốc dộ tăng trưởng kinh tế, các ngư dân và doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá ngừ Việt Nam cần phải nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị của cá ngừ đại dương khai thác được. Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn lợi cá ngừ đại dương, hài hòa lợi ích cho các bên tham gia trong chuỗi từ khai thác, thu mua, chế biến tiêu thụ. Quản lý, phát triển ngành sản xuất, cá ngừ theo hướng công nghiệp, hiện đại, gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền trên biển.

1.3. Căn cứ tình hình sản xuất, xuất khẩu cá ngừ đại dương ở Việt Nam

Hiện nay, trữ lượng khai thác cá ngừ đại dương ở Việt Nam là rất lớn. tuy nhiên sản lượng khai thác vẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, trình độ khai thác, chế biến, bảo quản của ngư dân và các doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ về cá ngừ trên thế giới, tuy đang có xu hướng giảm, nhưng vẫn còn đang rất lớn. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải khai thác, chế biến, bảo quản và xuất khẩu như thế nào để các ngư dân và doanh nghiệp có lãi, không bị thua thiệt với các doanh nghiệp nước ngoài. Để làm được điều này, ngư dân và doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cần nhìn lại thực trạng và những nguyên nhân gây rủi ro trong hoạt động này, từ đó tìm ra giải pháp khắc phục mang lại hiệu quả cao.

2. Một số giải pháp thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu cá ngừ ở Việt Nam

2.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Đối với chính sách tín dụng

Ngư dân đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, trong đó khó khăn chính là thiếu vốn, nhưng hiện nay ngân hàng lại không thể cho ngư dân vay vốn vì không có tài sản thế chấp, còn nếu có thì cũng gặp khó khăn trong vấn đề thủ tục giấy tờ. Vì thế, ngư dân bị phải phụ thuộc vào đầu nậu, họ không thể tự tìm kiếm thị trường, mối quan hệ mua bán ở trong thế bị ràng buộc dẫn đến tình trạng ép cấp, ép giá khiến cho ngư dân không còn mặn mà với con cá ngừ, khối lượng và chất lượng cá ngừ đại dương đánh bắt được đều không cao. Để tránh tình trạng này, nhà nước cần hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân vay vốn, cải tạo các tàu thuyền, ngư cụ, trang, trang thiết bị sơ chế, bảo quản,…nhằm nâng cao hiệu quả mỗi chuyến biển, cụ thể:

- Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách vay vốn thương mại cho tàu đóng mới. Nhà nước hỗ trợ lãi suất tín dụng cho các tổ chức cá nhân tham gia đóng tàu theo chương trình này. Lãi suất tín dụng được áp dụng 2,5% /năm từ nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại nhà nước. Nhà nước có trách nhiệm bù lãi suất chênh lệch cho ngân hàng bằng lãi suất thấp nhất của ngân hàng thương mại cho vay.

- Nhà nước hỗ trợ vốn vay tối đa từ 20 – 30% giá trị con tàu (kể cả máy móc, thiết bị, ngư lưới cụ phục vụ cho nghề khai thác); ngư dân bỏ vốn từ 20 – 30% (tàu dưới 500 CV ngư dân được vay tối đa 70% giá trị con tàu, tàu từ 500 CV trở lên nhà nước hỗ trợ tối đa 80% giá trị con tàu). Thời gian vay vốn tối đa 10 năm, một năm được ân hạn.
- Chủ tàu có thể đem tài sản là con tàu làm tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay, việc giải ngân, đồng thời giữa nguồn vốn vay ngân hàng và nguồn vốn đối ứng của ngư dân.

- **Đối với chính sách đầu tư**

Trong điều kiện hiện nay, khi mà các thị trường truyền thống nhập khẩu cá ngừ đại dương Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản ngày càng thắt chặt các quy định về kiểm định chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng, hệ thống dịch vụ hỗ trợ tại các cảng cá còn thiếu, chưa đồng đều, chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm khắt khe của quốc tế. Do đó, Nhà nước cần quan tâm với những chính sách phân bổ vốn đầu tư, tái đầu tư cho cơ sở hạ tầng ngành thủy sản, ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng cảng cá, chợ cá, kho lạnh chuyên dùng cho cá ngừ tại các tỉnh điểm nhằm nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cá ngừ Việt Nam.

2.2. Giải pháp về tăng cường năng lực quản lý Nhà nước

Vai trò của Nhà nước trong quản lý, tổ chức, chỉ đạo, điều hành và kiểm soát hoạt động khai thác và xuất khẩu cá ngừ ở nước ta còn chưa cao. Trong điều kiện hiện nay, khi mà các sản phẩm cá ngừ được dán nhãn an toàn cá ngừ, không vi phạm các quy định về quản lý hoạt động khai thác bất hợp pháp, không theo quy định và không báo cáo (IUU) ngày càng được đẩy mạnh tiêu thụ, thì cá ngừ Việt Nam vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc chứng minh tiêu chuẩn và nguồn gốc cá ngừ của mình, chủ yếu đến từ khâu quản lý, thu thập dữ liệu và thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cá ngừ còn nhiều bất cập. Bởi vậy, cần thực hiện những giải pháp sau đây:

- Tăng cường, nâng cao năng lực và vai trò quản lý của các cơ quan quản lý thủy sản Trung ương và địa phương;
- Tăng cường năng lực thể chế và quan hệ hợp tác giữa các ngành, các cấp và chính quyền địa phương, tạo cơ hội cho người sản xuất tiếp cận với thị trường trong nước và quốc tế, gia tăng giá trị cho sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng thu nhập cho người sản xuất nhằm khuyến khích các bên tham gia tích cực vào chuỗi giá trị sản phẩm cá ngừ.
- Tăng cường, nâng cao năng lực, vai trò quản lý, chỉ đạo, tổ chức, điều hành sản xuất của các cơ quan chức năng quản lý thủy sản và chính quyền địa phương thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm cá ngừ.
- Tăng cường năng lực, vai trò của Nhà nước trong việc phát huy vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong thu mua, kinh doanh; phát huy những ưu điểm của cạnh tranh, hạn chế nhược điểm, chống độc quyền và lũng đoạn thị trường.

2.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ và khuyến ngư

Khoa học công nghệ đóng vai trò vô cùng quan trọng, không thể thiếu trong hoạt động xuất khẩu cá ngừ. Các máy tầm ngư dự báo ngư trường, luồng cá di chuyển, phương pháp câu mới, công nghệ bảo quản cá nguyên liệu, chế biến cá thành phẩm ảnh hưởng tới khối lượng và chất lượng sản phẩm cá ngừ xuất khẩu, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động xuất khẩu cá ngừ. Không chỉ vậy, công tác khuyến ngư cũng đóng góp một phần không nhỏ giúp cho ngư dân có thể tiếp thu công nghệ mới, nâng cao năng suất chất lượng của cá ngừ đánh bắt. Bởi vậy, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm cá ngừ; tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật cho tàu, nghề khai thác, kỹ thuật bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, chế biến cá ngừ.
- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong dự báo ngư trường. Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến đối với các lĩnh vực khai thác, bảo quản, chế biến cá ngừ.
- Ưu tiên, đẩy mạnh công tác khuyến ngư; tập trung bố trí các mô hình, các lớp tập huấn khuyến ngư về công nghệ, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch trong lĩnh vực khai thác, thu mua cá ngừ trên bờ và trên biển.

2.4. Phát huy vai trò của các Hiệp hội ngành hàng

Phát huy vai trò của các Hiệp hội ngành hàng, nhất là Hiệp hội cá ngừ Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, làm trung tâm và tạo cầu nối giữa các tác nhân trong chuỗi với các cơ quan quản lý nhà nước; đề xuất với Nhà nước ban hành các cơ chế chính sách nhằm quản lý và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất trong chuỗi cá ngừ từ khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ; tổ chức các hội viên tham gia tích cực trong chuỗi sản phẩm cá ngừ. Tổ chức xây dựng và quảng bá thương hiệu cá ngừ Việt Nam và phấn đấu cá ngừ Việt Nam được chứng nhận nhãn sinh thái (MSC) để nâng cao uy tín và thương hiệu cá ngừ Việt Nam;

2.5. Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo tập huấn nâng cao kỹ thuật, tay nghề cho thuyền trưởng, máy trưởng và thuyền viên, chủ cơ sở và người lao động trong các cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến và xuất khẩu cá ngừ;

- Phát triển nguồn nhân lực và tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp và ngư dân tham gia vào các hoạt động liên quan đến sản xuất và xuất khẩu cá ngừ.

2.6. Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác dự báo ngư trường

Cá ngừ là loài di cư, chúng không xuất hiện cố định tại một vùng biển mà xuất hiện theo mùa, và di cư theo luồng tuyến nhất định. Bởi vậy, công tác dự báo ngư trường cho ngư dân là vô cùng cần thiết. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi đội tàu khai thác của ngư dân còn nhỏ và yếu, chưa có khả năng bám biển lâu dài nên rất cần thông tin chính xác về ngư trường. Do đó, cần triển khai thực hiện công tác dự báo ngư trường dài hạn và ngắn hạn cho nghề câu cá ngừ đại dương và nghề lưới vây cá ngừ.

2.7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Để cá ngừ Việt Nam ngày càng có mặt và thâm nhập sâu vào nhiều thị trường, cần tăng cường xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại; tranh thủ các nguồn lực, sự hỗ trợ, hợp tác của các nước và các tổ chức quốc tế. Nâng cao khả năng cạnh tranh và giúp cho cá ngừ Việt Nam sớm đạt được các quy chuẩn mà thị trường nhập khẩu đề ra thông qua việc tích cực tham gia để trở thành thành viên chính thức hoặc có hợp tác với các tổ chức quản lý nghề cá trong (SEAFDEC) và ngoài khu vực (WCPFC), đồng thời thực hiện nghiêm túc những nội dung mà Việt Nam đã cam kết với quốc tế.

V. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Việc nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, nhất là sản phẩm thủy sản (đặc biệt là cá ngừ) trong và ngoài nước là một vấn đề cấp bách. Tuy hoạt động xuất khẩu cá ngừ còn nhiều khó khăn, nhưng nhìn về tổng thể và lâu dài, đây là ngành có triển vọng hết sức sáng sủa. Tuy nhiên, để tận dụng các thuận lợi và thời cơ, đồng thời khắc phục những khó khăn, những yếu điểm thì cần thiết phải tạo ra một nền tảng tốt, chuỗi giá trị đồng đều, cùng với đó là sự vào cuộc và hỗ trợ đắc lực của Nhà nước với khung pháp lý và các quy định phù hợp với thị trường nhập khẩu thì mới có thể mở đường cho hoạt động xuất khẩu cá ngừ Việt Nam phát triển bền vững.

Bên cạnh đó để giữ vững vị trí tại các thị trường, điều quan trọng và bức thiết nhất hiện nay không phải là tăng cao về khối lượng xuất khẩu, mà phải nâng cao khả năng cạnh tranh của mặt hàng cá ngừ Việt Nam bằng chất lượng và an toàn thực phẩm. Muốn vậy cần nhanh chóng thúc đẩy chuỗi giá trị khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ phát triển, thúc đẩy liên kết giữa người ngư dân khai thác với doanh nghiệp chế biến cá ngừ xuất khẩu, nghiên cứu và tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới nhằm đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của thị trường xuất khẩu, từ đó tạo dựng nên thương hiệu cá ngừ Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững xuất khẩu cá ngừ Việt Nam./.

Nguyễn Văn Do, Nguyễn Hoài Nam, Lê Hằng,

TS.Đào Trọng Hiếu, Lê Đức Việt

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các báo cáo về hoạt động xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam năm 2012, 2013, 2014 – Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam

2. Cơ sở dữ liệu về cá ngừ của Trung tâm thương mại quốc tế ITC: http://www.trademap.org/Index.aspx

3. Các báo cáo thị trường cá ngừ thế giới của GLOBEFISH: http://www.globefish.org/tuna-market-reports.html

4. Bản tin điện tử Viện nghiên cứu hải sản: http://www.rimf.org.vn/bantin/tapchi_newsdetail.asp?TapChiID=1&muctin_id=2&news_id=143

5. Website hội nghề cá tỉnh Khánh Hòa: http://www.khafa.org.vn/

6. Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu các năm 2011, 2012, 2013, 2014

7. Đề án tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ cá ngừ theo chuỗi – Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

MIỄN PHÍ KIỂM DỊCH THỰC VẬT QUẢ VẢI XUẤT KHẨU BẰNG HÀNG KHÔNG

Ngày 23/6, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản gửi các đơn vị kiểm dịch thực vật thực hiện miễn thu phí kiểm dịch thực vật đối với quả vải tươi xuất khẩu bằng đường hàng không để đẩy mạnh xuất khẩu quả vải tươi của Việt Nam, đặc biệt là sang các thị trường mới mở.

Theo đó, Cục Bảo vệ thực vật yêu cầu thực hiện ngay không thu phí, lệ phí kiểm dịch thực vật đối với các lô quả vải tươi xuất khẩu bằng đường hàng không. Cục Bảo vệ thực vật cũng yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc bố trí nhân lực, trang thiết bị làm thủ tục kiểm dịch thực vật nhanh nhất cho các lô quả vải tươi xuất khẩu, bao gồm cả làm ngoài giờ và ngày nghỉ, ngày lễ.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, tình hình xuất khẩu vải sang các thị trường mới mở đang diễn ra khá tốt và được các thị trường đánh giá cao. Đến nay, Việt Nam đã xuất khẩu sang Australia được gần 20 tấn vải, Mỹ khoảng 4 tấn, Pháp khoảng 4 tấn… và sang nhiều thị trường khác như Nhật Bản, Singapore, Malaysia, Anh, Đức… So với thị trường lớn là Trung Quốc (đã xuất khẩu được khoảng trên 50.000 tấn), sản lượng vải sang các thị trường mới tuy ít nhưng có ý nghĩa rất lớn bởi chất lượng vải Việt Nam đã đáp ứng được các thị trường khó tính. Từ đây sẽ tạo điều kiện tốt cho quả vải Việt Nam mở rộng ra các thị trường khác.

(***Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam***)

THANH LONG VIỆT NAM CÓ CƠ HỘI XUẤT KHẨU TRỞ LẠI THỊ TRƯỜNG ĐÀI LOAN

Mới đây, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan(COA) đã có văn bản thông báo cho Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc(VECO) về việc Đài Loan sửa đổi một số điểm tại "Quy định kiểm dịch đối với thực vật hoặc sản phẩm thực vật nhập khẩu", trong đó nêu rõ "Điều kiện kiểm dịch nhập khẩu trái thanh long tươi ruột trắng (Hylocereus undatus) xuất xứ Việt Nam".

Theo quy định mới được sửa đổi này, trái thanh long ruột trắng xuất xứ từ Việt Nam phải qua khâu xử lý nhiệt ở nhiệt độ 46,8 độ C liên tục trong vòng 40 phút để diệt khuẩn Bactrocera correcta (Bezzi) mới được nhập khẩu vào Đài Loan.

Thông báo trên của phía Đài Loan là kết quả kiên trì trao đổi song phương trong thời gian dài giữa hai bên và có thể coi là quyết định mở đường cho trái thanh long tươi Việt Nam xuất khẩu trở lại Đài Loan sau nhiều năm bị phía Đài Loan tạm dừng nhập khẩu.

(***Nguồn: vietnamexport.com***)

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

CÀ PHÊ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Trong nước										
Cà phê nhân xô vối	Đắc lắc-TP Buôn Mê Thuột	đ/kg		37500	38000	37900	38500	38300	38800	38000
Cà phê nhân xô vối	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	36700	37000		37600	38000	37500	38000	37200
Thế giới										
Cà phê Robusta (7/15)	London - Anh	USD /tấn	1755	1793	1806	1888	1866	1857	1826	1907

CAO SU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Trong nước										
Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg)	Bình Phước-Phước Long	đ/kg	9600		9600		9920	9920		9920
Thế giới										
cao su RSS3 (6/15)	TOCOM-Nhật Bản	Yên/kg	216,3	216,4	217	216,3	215,6	214,2	216	216,4
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg	63,9	63,65	63,35	63,15	62,85	62,65	62,65	62,65
SIR20 BELAWAN NN (7/15)	Indonesia	Uscent /kg	176	176,5		177	176		175,5	

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Đường trắng (8/15)	London - Anh	USD /tấn	345	344,2	345,4	345,4	348,6	357,5	356,6	364,3

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Trong nước										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	35000	35000	35000	35000	35000	35000	35000	35000
Gà trống ta hơi	An Giang-Thoại Sơn	đ/kg	80000	80000	80000	80000	80000	80000	80000	80000
Lợn hơi	Vĩnh Long-Chợ Vũng Liêm	đ/kg	44000		44000		44000	44000		43000
Lợn hơi	An Giang-Thoại Sơn	đ/kg	47000	47000	47000	47000	47000	47000	47000	47000
Thế giới										
Lợn hơi (7/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	77,2	77,15	78	78,03	75,75	74,225	74,35	74,725

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Trong nước										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	10000		10000		10000	10000		9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	14800		14800		14800	14800		14700
Thế giới										
Ngô (7/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	348,25	354	359,25	358	353,25	360	367,5	366,5
Đậu tương (7/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	937,75	957,5	969	977,8	971,5	989,5	987,5	981,75

CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	130000	130000	130000		130000	130000		130000
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	200000	200000	200000		200000	200000		200000
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	150000	150000	150000		150000	150000		150000
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	13000	13000	13000		13000	13000		13000
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	8000	8000	8000		8000	8000		8000
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	4000	4000	4000	4000	4000	4000	4000	4000
Thế giới										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg					3,49			

PHỤ LỤC

PHÂN BÓN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Trong nước										
Phân Đầu trâu L1	Hưng Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng	đ/kg	12500		12500		12500	12500		12600
NPK cò pháp (20-20-15)	Lâm Đồng - Đà Lạt	đ/kg	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000
NPK 20-20-15	Vĩnh Long- Bình Minh	đ/bao 50kg	620000		620000		620000	620000		620000
Thế giới										
Urea Yuzhny (Giao ngay)	Nga	USD /tấn				294,5	294,5			

GỖ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Gỗ xẻ (7/15)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	296,4	293,1	298,7	298,1	298,6	294,1	289,3	288,9

THỦY SẢN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Tôm sú nuôi 40-45 con/kg	Hưng Yên- Yên Mỹ	đ/kg	200000		200000		200000	200000		200000
Tôm sú nuôi 30-35 con/kg	Hưng Yên- Yên Mỹ	đ/kg	280000		280000		280000	280000		280000
Cá tra thịt trắng	Vĩnh Long	đ/kg	21500		21500		21000	21000		21000
Tôm càng xanh	Vĩnh Long	đ/kg	430000		430000		430000	430000		430000
Cá tra	An Giang	đ/kg	22000	22000	23000	23000	23000	21000	21000	21000

PHỤ LỤC

LÚA, GẠO										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Lúa Hè thu IR50404 (huyện Bình Minh)- lúa ướt	Vĩnh Long	đ/kg	4200		4100		4100	4300		4300
Lúa CLC IR 50404 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4150	4100	4100	4050	4050	4000	4000	4000
Lúa CLC OM 2514 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4400	4400	4400	4400	4400	4400	4400	4400
Lúa CLC OM 1490 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4400	4400	4400	4400	4400	4400	4400	4400
Lúa CLC OM 2717 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4400	4400	4400	4400	4400	4400	4400	4400
Lúa chất lượng cao	Bạc Liêu- Huyện Vĩnh Lợi,	đ/kg			5200					5200
Lúa tẻ thường	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	5300		5300		5300	5200		5200
Lúa dài	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	5600		5600		5600	5600		5600
Gạo CLC IR 50404	Vĩnh Long	đ/kg	9000		9000		9000	9000		9000
Gạo tẻ chất lượng cao (CLC)IR 50404	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Gạo	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	12000		12000		12000	12000		

HẠT TIÊU									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			15/06	16/06	17/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Hạt tiêu đen	Bình Phước- Huyện Bù Đốp	đ/kg	202000		202000	198000	206000		210000
Hạt tiêu đen	Đắc lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg		190000	191000	191000		192000	192000

HẠT ĐIỀU							
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY				
			15/06	17/06	19/06	22/06	24/06
Hạt điều khô mua xô	Bình Phước-Huyện Bù Đăng	đ/kg	37000	37000	36500	37000	37000

RAU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Bắp cải trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	5000	5000	5000	5000	5000	4500	4000	4000
Bắp cải tím loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Hành tây loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	4500	4500	4500	5000	5500	6000	6000	6000
Cà chua thường loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	4500	4500	4500	5500	5500	6000	6000	6000
Hoa lơ trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	7000	7000	7000	8000	8000	8000	8000	8000
Hoa lơ xanh loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	12000	12000	12000	1000	1000	1000	1000	1000
Cà rốt loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Đậu Hà lan (trái non)	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	60000	60000	60000	60000	60000	60000	60000	60000
Đậu cove	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000
Khoai tây ta loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000
Cải thảo loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	5500	5500	5500
Củ dền loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	3000	3000	3000	3000	3000	4000	4000	4000
Cải bó xôi loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	22000	22000	22000	22000	22000	20000	20000	20000

PHỤ LỤC

QUẢ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	22/06	23/06	24/06
Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Xoài Cát Chu	Tiền Giang	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000
Xoài tượng Đài Loan	Tiền Giang	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000
Dưa hấu loại 1	Tiền Giang	đ/kg	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500
Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	đ/kg	10000	10000	8000	8000	8000	8000	8000	8000
Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	đ/kg	5000	5000	4000	4000	4000	4000	4000	4000
Chôm chôm Java	Tiền Giang	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Chôm chôm nhãn	Tiền Giang	đ/kg	16000	16000	16000	16000	16000	16000	16000	16000
Chôm chôm Rong-Riêng	Tiền Giang	đ/kg	18000	18000	16000	16000	16000	16000	16000	16000
Sầu riêng monthong loại 1	Tiền Giang	đ/kg	25000	25000	25000	25000	25000	25000	25000	25000
Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	đ/kg	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000